**Phụ lục I**

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG: THCS NGUYỄN DU**  **TỔ:**SỬ-ĐỊA-GD-AN-MT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC LỊCH SỬ- ĐỊA LÍ; ÂM NHẠC;MĨ THUẬT ;GDCD KHỐI LỚP 6, 7, 8**

(Năm học 2023 - 2024)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp:** 16**; Số học sinh:** 375 **; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**:Không**

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 09**.; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng:0; Đại học: 9; Trên đại học:0

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[1]](#footnote-1):** Tốt: Tốt; Khá:không; Đạt:không; Chưa đạt:không

**3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

**3. Thiết bị dạy học:***(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo*

*dục)*

*a/Môn Mĩ Thuật*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| 1 | Tivi, máy tính, loa đài. | 1 | Thực hành |  |
| 2 | Tranh ảnh minh họa | 5 | Thực hành | Tùy từng nội dung bài học |
| 3 | Mẫu tĩnh vật | 6 | Thực hành |  |
| 4 | Giấy vẽ, bìa các tông, giấy báo, màu vẽ, hồ dán, băng dán. | 4 bộ | Thực hành |  |
| 5 | Vải vụn, kéo, kim, chỉ, thước đo. | 5 bộ | Thực hành |  |
| 6 | Dây thép, giấy bạc, giấy bọc thực phẩm. | 5 bộ | Thực hành |  |
| 7 | Chất liệu nhựa, hộp sữa. | 5 bộ | Thực hành |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 | Phòng bộ môn Âm nhạc | 01 | Cho các tiết âm nhạc |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

**II. Kế hoạch dạy học[[2]](#footnote-2)**

1. **Phân phối chương trình Lịch sử - Địa lí lớp 6**
2. **Phân môn Lịch sử 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Bài học  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) |
|  | Chương I.TẠI SAO CẦN HỌC LỊCH SỬ  Bài 1.Lịch sử là gì | 2 | Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử.  – Hiểu được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ.  – Giải thích được vì sao cần thiết phải học môn Lịch sử.  – Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu (tư liệu gốc, truyền miệng, hiện vật, chữ viết,...). |
| 2 | Bài 2. Thời gian trong lịch sử | 1 | - Biết được một số khái niệm và cách tính thời gian trong lịch sử  thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên,Công nguyên, âm lịch, dương lịch,.. |
| 3 | CHƯƠNG II. THỜI KÌ NGUYÊN THỦY  Bài 3. Nguồn gốc loài người | 2 | - Giới thiệu được sơ lược quá trình tiến hoá từ vượn người thành người trên Trái Đất.  – Xác định được những dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á.  – Kể được tên được những địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ trên đất nước Việt Nam. |
| 4 | Bài 4. Xã hội nguyên thủy | 2 | – Mô tả được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thuỷ.  - Trình bày được những nét chính về đời sống của người nguyên thuỷ ( vật chất, tinh thần, tổ chức xã hội…)  – Nhận biết được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của con người thời nguyên thuỷ và xã hội loài người.  - Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thuỷ trên đất nước Việt Nam. |
| 5 | Bài 5. Sự chuyển biến từ XHNT sang xã hội có giai cấp | 2 | – Trình bày được quá trình phát hiện ra kim loại và vai trò của nó đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội có giai cấp.  - Mô tả được sự hình thành xã hội có giai cấp.  – Giải thích được vì sao xã hội nguyên thuỷ tan rã.  – Nêu được sự phân hoá không triệt để của xã hội nguyên thuỷ ở phương Đông.  – Nêu được một số nét cơ bản của xã hội nguyên thuỷ Việt Nam trong quá trình tan rã. |
| 6 | CHƯƠNG III:XÃ HỘI CỔ ĐẠI  Bài 6. Ai Cập cổ đại | 2 | - Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập cổ đại.  – Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập.  – Nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Ai Cập |
| 7 | Bài 7 . Lưỡng Hà cổ đại | 2 | Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên (Các dòng sông đất đai màu mỡ…) đối với sự hình thành nền văn minh cổ đại Lưỡng Hà.  – Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Lưỡng Hà.  – Nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Lưỡng Hà |
| 8 | Bài 8. Ấn Độ cổ đại | 2 | - Nêu được điểu kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng ảnh hưởng đến sự hình thành của văn minh Ấn Độ.  - Trình bày được những điểm chính về chế độ xã hội ở Ấn Độ.  -– Nêu được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ |
| 9 | Bài 9. Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉVII | 3 | – Trình bày được những đặc điểm vể điểu kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại.  – Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất và sự xác lập chế độ phong kiến dưới thời Tần Thuỷ Hoàng.  – Xây dựng được đường thời gian từđế chế Hán, Nam - Bắc triều đến nhàTuỳ.  – Nêu được những thành tựu chủ yếu của văn minh Trung Quốc trước thế kỉ VII. |
| 10 | Bài 10. Hy Lạp cổ đại | 2 | - Nêu và nhận xét được những tác động vể điểu kiện tự nhiên đối với sự phát triển của Hy Lạp cổ đại.  – Trình bày được tổ chức nhà nước thành bang, ở Hy Lạp.  – Nêu được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Hy Lạp cổ đại. |
| 11 | Bài 11. La Mã cổ đại | 2 | - Nêu và nhận xét được tác động vể điểu kiện tự nhiên đổi với sự hình thành, phát triển của nền văn minh La Mã.  – Trình bày được tổ chức nhà nước đế chế ở La Mã.  – Nêu được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của La Mã |
| 12 | CHƯƠNG IV: ĐÔNG NAM Á TỪ NHỮNG THẾ KỈ TIẾP GIÁP CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X  Bài 12. Các vương quốc ở Đông Nam Á trước thế kỉ XX | 2 | – Nêu được sự hình thành và phát triển ban đầu của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ X  - Giới thiệu quảng bá một số hình ảnh ASEAN. |
| 13 | Bài 13. Giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam á từ đầu công nguyên đến thế kỉ X | 2 | - Quá trình giao lưu thương mại và văn hoá ở Đông Nam Á từ đầu công nguyên đến thế kỉ X.  -Phân tích được những tác động chính của quá trình giao lưu thương mại và văn hoá ở Đông Nam Á trong mười thế kỉ đầu Công nguyên. |
| 14 | CHƯƠNG V: VIỆT NAM TỪ KHOẢNG THẾ KỈ VII TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ X  Bài 14. Nhà nước Văn Lang, Âu lạc | 2 | - Nêu được khoảng thời gian thành lập và phạm vi không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc.  - Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc |
| 15 | Bài 15. Đời sống cuả người Việt thời kì Văn Lang, Âu Lạc | 2 | Mô tả được đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc |
| 16 | Bài16.Chính Sách cai trị của phong kiến phương bắc và sự chuyển biến của Việt Nam, thời kì bắc thuộc | 2 | – Nêu được một số chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương bắc trong thời kì bắc thuộc.  – Nhận biết được một số chuyển biến quan trọng về kinh tế, xã hội, văn hoá ở Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc. |
| 17 | Bài 17: Đấu tranh bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc thời bắc thuộc | 2 | Giới thiệu được những nét chính của cuộc đấu tranh về văn hóa và bảo vệ bản sắc văn hoá của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc. |
| 18 | Bài 18. Các cuộc đấu tranh giành độc lập trước thế kỉ X | 3 | – Giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa.  - Lập được sơ đồ biểu đồ, Trình bày được những diễn biến chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân trong thời kì bắc thuộc (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lí Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng..) |
| 19 | Bài 19. Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X | 2 | Trình bày được những nét chính vể các cuộc vận động giành quyển tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương.  – Mô tả được những nét chính của trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền.  – Nêu được ý nghĩa lịch sửcủa chiến thắng Bạch Đằng năm 938. |
| 20 | Bài 20. Vương quốc Cham Pa | 3 | - Mô tả được sự thành lập và quá trình phát triển của vương quốc Champa.  -Trình bày những nét chính kinh tế về tổ chức xã hộicủa Champa.  – Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Champa |
| 21 | Bài 21. Vương quốc cổ Phù Nam | 2 | - Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Phù Nam.  – Trình bày được những nét chính vể tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam.  – Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Phù Nam |

**b.Phân môn Địa lí 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Bài học  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) |
| 1 | Bài mở đầu | 1 | - Hiểu được tầm qua trọng của việc nắm vững các khái niệm cơ bản, các kĩ năng địa lí trong học tập và sinh hoạt.  - Hiểu được ý nghĩa và sự lí thú mà môn địa lí mang lại. |
| 2 | **Chương 1. Bản đồ - Phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất**  Bài 1. Hệ thống kinh, vĩ tuyến và tọa độ địa lí | 2 | - Biết được kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc, các bán cầu và toạ độđịa lí, kinh độ, vĩ độ.  - Hiểu và phân biệt được sự khác nhau giữa kinh tuyến và vĩ tuyến, giữa kinh độ vàkinh tuyến, giữa vĩ độ và vĩ tuyến. |
| 3 | Bài 2. Kí hiệu và chú giải trên một số bản đồ thông dụng | 1 | - Nêu được khái niệm kí hiệu bản đồ, ý nghĩa của kí hiệu bản đồ.  - Biết được các loạig kí hiệu, chú giải biểu đồ. |
| 4 | Bài 3. Tìm đường đi trên bản đồ | 2 | - Biết tìm đường đi trên bản đồ, tìm đường đi ngoài thực địa |
| 5 | Bài 4: Lược đồ trí nhớ | 1 | -Biết về lược đồ trí nhớ  -Hiểu cách tạo ra lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối. |
| 6 | **Chương 2. Trái Đất - Hành tinh của hệ Mặt Trời**  Bài 5. Vị trí Trái Đất trong Hệ Mặt Trời. Hình dạng, kích thước của Trái Đất | 1 | - Biết được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời: vị trí, tương quan với các hành tỉnh khác,...  - Mô tả được hình dạng, kích thước của Trái Đất. |
| 7 | Bài 6. Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả | 2 | Mô tả được chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất trên mô hình quả địa cầu |
| 8 | Bài 7. Chuyển động quanh Mặt Trời của Trái Đất và hệ quả | 2 | - Mô tả được hiện tượng mùa: mùa ở các vùng vĩ độ và các bán cầu.  - Trình bày được hiện tượng ngày đêm đài ngắn theo mùa và theo vĩ độ |
| 9 | Bài 8: Thực hành: Xác định phương hướng ngoài thực tế | 1 | -Sử dụng được la bàn để xác định phương hướng ngoài thực tế. |
| 10 | **Chương 3. Cấu tạo của Trái Đất. Vỏ Trái Đất**  Bài 9. Cấu tạo của Trái Đất. Động đất và núi lửa | 2 | Trình bày được cấu tạo của Trái Đất  - Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau. |
| 11 | Bài 10. Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Các dạng địa hình chính. Khoáng sản |  | - Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và ngoại sinh trong hiện tượng tạo núi.  - Phân biệt được các dạng địa hình chính trênTrái Đất. |
| 12 | Bài 11. Thực hành: Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản | 1 | -Đọc được lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản |
| 13 | **Chương 4. Khí hậu và biến đổi khí hậu**  Bài 12. Lớp vỏ khí. Khối khí. Khí áp và gió trên Trái Đất( Tiết 1) | 3 | Hiểu đuợc vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic trong khí quyển.  • Mô tả được các tầng khi quyển, đặc điểm chính của tầng đổi lưu và tầng bình lưu. |
| 14 | Bài 13. Thời tiết và khí hậu. Các đới khí hậu trên Trái Đất | 3 | Nguồn cung cấp của nhiệt độ không khí.  - Thiết bị đo nhiệt đọ không khí  - Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ. |
| 15 | Bài 14. Biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu | 3 | - Nêu được nguyên nhân, biểu hiện, hậu quả, giải pháp của biến đổi khí hậu.  - Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu |
| 16 | Bài 15. Thực hành. Phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa | 2 | - Phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa.  - Xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới. |
| 17 | **Chương 5. Nước trên trái đất**  Bài 16. Thủy quyển. Vòng tuần hoàn nước. Nước ngầm, băng hà | 3 | -Kể tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.  - Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà |
| 18 | Bài 17. Sông và hồ | 2 | -Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn, mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông. |
| 19 | Bài 18. Biển và đại dương | 2 | – Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới. – Trình bày được các hiện tượng sóng, thuỷ triều, dòng biển. |
| 20 | **Chương 6. Đất và sinh vật trên trái đất**  Bài 19. Lớp đất và các nhân tố hình thành đất. Một số nhóm đất điển hình | 2 | - Trình bày được một số nhân tố hình thành đất.  - Kể được tên một số nhóm đất điển hình trên thế giới. |
| 21 | Bài 20. Sinh vật và sự phân bố các đới thiên nhiên.Rừng nhiệt đới | 2 | - Xác định được trên bản đồ sự phân bố các đới thiên nhiên trên thế giới. |
| 22 | Bài 21. Thực hành: Tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương | 1 | • Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương |
| 23 | **Chương 7. Con người và thiên nhiên**  Bài 22. Dân số và sự phân bố dân cư | 2 | - Quan sát, ghi chép đẻ hoàn thành tốt bài báo cáo của cá nhân, của nhóm. |
| 24 | Bài 23. Con người và thiên nhiên | 1 | -Trình bày được các giải pháp bảo vệ môi trường tự nhiên mà các em có thể làm được |
| 25 | Bài 24: Thực hành tác động của con người đến thiên nhiên. | 1 | -HS Vận dụng kiến thức và kĩ năng để giải quyết tình huống. |

**2.Phân phối chương trình Lịch sử - Địa lí lớp 7**

**a.Phân môn Lịch sử 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Bài học  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) |
| 1 | Bài 1. Quá trình hình thành và phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu | 3 | - Kể lại được những sự kiện chủ yếu về quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu.  - Trình bày được đặc điểm của lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến Tây Âu.  - Phân tích được vai trò của thành thị trung đại.  - Mô tả được sơ lược sự ra đời của Thiên Chúa giáo. |
| 2 | Bài 2: Các cuộc phát kiến địa lý |  | - Sử dụng lược đồ hoặc bản đồ, giới thiệu được những nét chính về hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới.  - Nêu được hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí. |
| 3 | Chủ đề chung: Các cuộc đại phát kiến địa lý | 3 | - Giải thích được nguyên nhân và những yếu tố tác động đến các cuộc đại phát kiến địa lí.  - Mô tả được các cuộc đại phát kiến địa lí: Christopher Colombus tìm ra châu Mỹ (1492 – 1502), cuộc thám hiểm của Ferdinand Magellan vòng quanh Trái Đất (1519 – 1522).  - Phân tích được tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử. |
| 4 | Bài 3: Sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu trung đại | 1 | - Xác định được những biến đổi chính trong xã hội và sự nảy sinh phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu. |
| 5 | Bài 4: Phong trào Văn hoá Phục hưng | 2 | - Nêu được hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí.  - Giới thiệu được sự biến đổi quan trọng về kinh tế – xã hội của Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI.  - Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của phong trào văn hoá Phục hưng.  - Nhận biết được ý nghĩa và tác động của phong trào văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu. |
| 6 | Bài 5: Phong trào cải cách tôn giáo |  | - Nêu và giải thích được nguyên nhân của phong trào cải cách tôn giáo.  - Mô tả khái quát được nội dung cơ bản của các cuộc cải cách tôn giáo.  - Nêu được tác động của cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu. |
| 7 | Bài 6: Khái lược tiến trình lịch sử Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX |  | Lập được sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (các thời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh).  - Nêu được những nét chính về sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường.  - Mô tả được sự phát triển kinh tế dưới thời Minh – Thanh.  - Giới thiệu và nhận xét được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...). |
| 8 | Bài 7: Các thành tựu văn hóa chủ yếu của Trung Quốc từ giữa thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX | 2 | - Lập được sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (các thời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh).  - Nêu được những nét chính về sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường.  - Mô tả được sự phát triển kinh tế dưới thời Minh – Thanh.  - Giới thiệu và nhận xét được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...). |
| 9 | Bài 8: Vương triều Gúp ta | 1 | - Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ.  - Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời các vương triều Gupta, Delhi và đế quốc Mogul.  - Giới thiệu và nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX. |
| 10 | Bài 9: Vương triều hồi giáo Đê Li | 1 | - Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ.  - Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời các vương triều Gupta, Delhi và đế quốc Mogul.  - Giới thiệu và nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX. |
| 11 | Bài 11: Khái quát về Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ thế kỉ X đến nửa đầu thê kỉ XVI | 1 | - Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ.  - Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời các vương triều Gupta, Delhi và đế quốc Mogul.  - Giới thiệu và nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX. |
| 12 | Bài 11: Khái quát về Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ thế kỉ X đến nửa đầu thê kỉ XVI | 2 | - Mô tả được quá trình hình thành, phát triển của các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.  - Giới thiệu và nhận xét được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI. |
| 13 | Bài 12: Vương Quốc Cam pu chia | 1 | - Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Campuchia.  - Nhận biết và đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Campuchia thời Angkor.  - Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Campuchia. |
| 14 | Bài 13: Vương Quốc Lào | 1 | - Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Lào.  - Nhận biết và đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang.  - Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Lào. |
| 15 | Bài 14: Công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước thời Ngô-Đinh-Tiền Lê (938-1009. | 4 | - Nêu được những nét chính về thời Ngô.  - Trình bày được công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh và sự thành lập nhà Đinh  - Mô tả cuộc kháng chiến chống Tống của Lê Hoàn năm 981  - Nhận biết đời sông xã hội, văn hóa thời Ngô- Đinh- Tiền Lê |
| 16 | Bài 15: Công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước thời Lý (1009 - 1226) | 4 | - Trình bày được sự thành lập nhà Lý. - - Đánh giá được sự kiện dời đô ra Đại La của Lý Công Uẩn.  - Mô tả những nét chính về kinh tế, văn hóa, xã hội, tôn giáo thời Lý  - Đánh giá những nét độc đáo của cuộc kháng chiến chống Tống và vai trò của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống Tống ( 1075-1077)  - Giới thiệu những thành tựu tiêu biểu văn hóa, giáo dục thời Lý |
| 17 | Bài 16: Công cuộc xây dựng đất nước thời Trần (1226- 1400) | 3 | - Mô tả sự thành lập của nhà Trần  - Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã Lập được |
| 18 | Bài 17. Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông Nguyên | 3 | - Mô tả sự thành lập của nhà Trần  - Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội  - Lược đồ diễn biến chính của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên. Phân tích được nguyên nhân thắng lợi, nêu được ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên, nhận thức được sâu sắc tinh thần đoàn kết và quyết tâm chống giặc ngoại xâm của quân dân Đại Việt. |
| 19 | Bài 18: Nhà Hồ và cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Minh (1400- 1407). | 2 | - Trình bày được sự ra đời của nhà Hồ.  - Giới thiệu được một số nội dung chủ yếu trong cải cách của Hồ Quý Ly và nêu được tác động của những cải cách ấy đối với xã hội thời nhà Hồ.  - Mô tả được những nét chính về cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Minh.  - Giải thích được nguyên nhân thất bại của cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược. |
| 20 | Bài 19: Khởi nghĩa Lam Sơn ( 1418-1427) | 1 | - Trình bày được một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.  - Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. - Nêu được ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và đánh giá được vai trò của một số nhân vật tiêu biểu: Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích,... |
| 21 | Bài 20: Đại Việt thời Lê Sơ | 3 | - Mô tả được sự thành lập nhà Lê sơ.  - Nhận biết được tình hình kinh tế – xã hội thời Lê sơ.  - Giới thiệu được sự phát triển văn hoá, giáo dục và một số danh nhân văn hoá tiêu biểu thời Lê sơ. |
| 22 | Bài 21: Vùng đất phía Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI | 2 | - Nêu được những diễn biến cơ bản về chính trị, kinh tế văn hoá ở vùng đất phía nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI. |

**b.Phân môn Địa lí 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Bài học  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) |
| 1 | **CHƯƠNG 1. CHÂU ÂU**  Bài 1: Thiên Nhiên Châu Âu | 3 | - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu.  - Phân tích được đặc điểm các khu vực địa hình chính của châu Âu, đặc điểm phân hoá khí hậu; xác định được trên bản đồ các sông lớn Rhein (Rainơ), Danube (Đanuyp), Volga (Vonga); Các đới thiên nhiên. |
| 2 | Bài 2: Đặc điểm dân cư, xã hội Châu Âu. | 2 | – Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hoá ở châu Âu. |
| 3 | Bài 3: Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên Châu Âu. | 2 | – Nêu được dẫn chứng về Liên minh châu Âu (EU) như một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới. |
| 4 | Bài 4: Liên Minh Châu Âu. | 1 | – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.  – Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á, ý nghĩa của đặc điểm này đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.  – Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á. |
| 5 | **CHƯƠNG 2: CHÂU Á**  Bài 5: Thiên nhiên Châu Á. | 3 | – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.  – Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á, ý nghĩa của đặc điểm này đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.  – Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á. |
| 6 | Bài 6: Đặc điểm dân cư , xã hội Châu Á. | 2 | – Trình bày được đặc điểm dân cư, tôn giáo; sự phân bố dân cư và các đô thị lớn. |
| 7 | Bài 7: Bản đồ chính trị Châu Á, các khu vực của Châu Á. | 3 | – Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á.  – Trình bày được đặc điểm tự nhiên của một trong các khu vực ở châu Á.  – Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày về một trong các nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á (ví dụ: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore). |
| 8 | Bài 8: Thực hành: Tìm hiểu các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở Châu Á. | 1 | – Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày về một trong các nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á (ví dụ: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore). |
| 9 | **CHƯƠNG 3: CHÂU PHI**  Bài 9: Thiên nhiên Châu Phi | 3 | – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước Châu Phi.  – Phân tích được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Phi; một trong những vấn đề môi trường trong sử dụng thên nhiên( ví dụ: vấn đề săn bắn và buôn bán động vật hoang dã, lấy ngà voi, sừng tê giác,…) |
| 10 | Bài 10: Đặc điểm dân cư, xã hội Châu Phi. | 2 | - Trình bày được một trong những vấn đề nổi cộm về dân cư, xã hội và di sản lịch sử Châu phi( ví dụ: vấn đề nạn đói, vấn đề xung đột quân sự,…) |
| 11 | Bài 11: Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên Châu Phi. | 1 | - Trình bày được cách thức người dân châu Phi khai thác thiên nhiên ở các môi trường khác nhau |
| 12 | Bài 12: Thực hành: Sưu tầm tư liệu về Cộng hoà Nam Phi. | 1 | – Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày được một số sự kiện lịch sử về Cộng hoà Nam Phi trong mấy thập niên gần đây. |
| 13 | **CHƯƠNG 4: CHÂU MĨ**  Bài 13: Phát kiến ra Châu Mĩ, vị trí địa lí và phạm vi Châu Mĩ. | 1 | – Trình bày khái quát về vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ.  – Phân tích được các hệ quả địa lí – lịch sử của việc Christopher Colombus phát kiến ra châu Mỹ (1492 – 1502). |
| 14 | Bài 14: Thiên nhiên và dân cư, xã hội Bắc Mĩ. | 2 | – Trình bày được một trong những đặc điểm của tự nhiên: sự phân hoá của địa hình, khí hậu; sông, hồ; các đới thiên nhiên.  – Phân tích được một trong những vấn đề dân cư, xã hội: vấn đề nhập cư và chủng tộc, vấn đề đô thị hoá. |
| 15 | Bài 15: Phương thức con người( khai thác tự nhiên bền vững, một số trung tâm kinh tế của Bắc Mĩ. | 2 | - Phân tích được phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững.  - Xác định được trên bản đồ một số trung tâm kinh tế quan trọng. |
| 16 | Bài 16: Thiên nhiên Trung và Nam Mĩ. | 2 | - Trình bày được sự phân hoá tự nhiên theo chiều Đông – Tây, theo chiều Bắc – Nam và theo chiều cao (trên dãy núi Andes); đặc điểm của rừng nhiệt đới Amazon. |
| 17 | Bài 17: Đặc điểm dân cư Trung và Nam Mĩ, vấn đề đô thị hoá, văn hoá Mĩ Latinh | 2 | – Trình bày được đặc điểm nguồn gốc dân cư Trung và Nam Mỹ, vấn đề đô thị hoá, văn hoá Mỹ Latinh. |
| 18 | Bài 18: Vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ rừng A-ma-dôn | 1 | – Phân tích được vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên thông qua trường hợp rừng Amazon. |
| 19 | **CHƯƠNG 5: CHÂU ĐẠI DƯƠNG**  Bài 19: Thiên nhiên Châu Đại Dương | 2 | – Xác định được các bộ phận của châu Đại Dương; vị trí địa lí, hình dạng và kích thước lục địa Australia.  – Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và khoáng sản. Phân tích được đặc điểm khí hậu Australia, những nét đặc sắc của tài nguyên sinh vật ở Australia. |
| 20 | Bài 20: Đặc điểm dân cư, xã hội Ô-xtrây- li-a | 2 | – Trình bày được đặc điểm dân cư, một số vấn đề về lịch sử và văn hoá độc đáo của Australia. |
| 21 | Bài 21: Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Ô-xtrây- li-a. | 1 | – Phân tích được phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Australia. |
| 22 | **CHƯƠNG 6: CHÂU NAM CỰC**  Bài 22: Vị trí địa lí, lịch sử khám phá và nghiên cứu Châu Nam Cực. | 1 | - Trình bày được đặc điểm vị trí địa của Châu Nam Cực.  - Trình bày được lịch sử khám phá và nghiên cứu Châu Nam Cực. |
| 23 | Bài 23: Thiên nhiên Châu Nam Cực. | 2 | - Trình bày được đặc điểm thiên nhiên nổi bật của châu Nam Cực.  - Mô tả được kịch bản về sự thay đổi của thiên nhiên Châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu. |
| 24 | **Chủ đề chung 2**: Đô thị: Lịch sử và hiện tại. | 3 | - Phân tích được các điều kiện địa lí và lịch sử góp phần hình thành và phát triển một đô thị cổ đại và trung đại (qua một số trường hợp cụ thể).  - Trình bày được mối quan hệ giữa đô thị với các nền văn minh cổ đại; vai trò của giới thương nhân với sự phát triển đô thị châu Âu trung đại. |

3. **Phân phối chương trình Lịch sử - Địa lí lớp 8**

**a.Phân môn Lịch sử 8**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Bài học  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) |
| 1 | **Chương 1: CHÂU ÂU VÀ BẮC MỸ TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XVIII**  **Bài 1**: Các cuộc cách mạng tư sản ở Châu Âu và Bắc Mỹ | 3 | - Xác định trên bản đồ thế giới địa điểm diễn ra các cuộc cách mạng tư sản đầu tiên trên thế giới từ thế kỉ XVI – XVIII.  - Trình bày những nét chung về nguyên nhân, kết quả, ý nghĩa, tính chất của cách mạng tư sản. |
| 2 | **Bài 2**: Cách mạng công nghiệp | 1 | - Học sinh trình bày được những thành tựu tiêu biểu của cuộc cách mạng công nghiệp.  - Nêu được những tác động quan trọng của cuộc cách mạng công nghiệp đối với sản xuất và đời sống. |
| 3 | **Chương 2: ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XIX**  **Bài 3**: Tình hình Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX | 2 | - Trình bày được những nét chính trong quá trình xâm nhập của tư bản phương tây vào các nước Đông Nam Á.  - Nêu được những nét nổi bật về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội của các nước Đông Nam Á dưới ách đô hộ của thực dân phương tây. |
| 4 | **Chương 3: VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XVIII**  **Bài 4**: Xung đột Nam - Bắc Triều và Trịnh - Nguyễn | 2 | - Nêu được những nét chính về sự ra đời của vương triều Mạc  - Giải thích được nguyên nhân bùng nổ xung đột Nam – Bắc Triều và Trịnh – Nguyễn.  - Nêu được hệ quả xung đột Nam – Bắc Triều, Trịnh – Nguyễn. |
| 5 | **Bài 5**: Quá trình khai phá vùng đất phía nam từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII | 2 | - Trình bày được khái quát về quá trình khai phá vùng đất phía Nam trong các thế kỉ XVI – XVIII.  - Mô tả và nêu được ý nghĩa của quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các chúa Nguyễn. |
| 6 | **Bài 6**: Kinh tế, văn hóa và tôn giáo ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII | 2 | - Nêu được những nét chính về tình hình kinh tế của Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII.  - Mô tả và nhận xét được những nét chính về sự chuyển biến về văn hóa và tôn giáo ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII. |
| 7 | **Bài 7**: khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII | 1 | - Nêu được một số nét chính (bối cảnh lịch sử, diễn biến, kết quả và ý nghĩa) của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII.  - Nêu được tác động của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài đối với xã hội Đại Việt thế kỉ XVIII. |
| 8 | **Bài 8:** Phong trào Tây Sơn | 2 | - Trình bày một số nét chính về nguyên nhân bùng nổ và mô tả được một số thắng lợi tiêu biểu của phong trào Tây Sơn: đại phá quân Thanh xâm lược 1789.  - Nêu nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và đánh giá được vai trò của Nguyễn Huệ - Quang Trung trong phong trào Tây Sơn. |
| 9 | **Chương 4: CHÂU ÂU VÀ NƯỚC MỸ TỪ CUỐI THẾ KỈ XVIII ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX**  **Bài 9:** Các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc | 2 | - Mô tả được những nét chính về quá trình hình thành chủ nghĩa đế quốc.  - Nhận biết được những chuyển biến lớn về kinh tế, chính sách đối nội và đối ngoại của các nước đế quốc Anh, Pháp, Đức, Mỹ từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX. |
| 10 | **Bài 10**: Công xã Pa–ri (năm 1871) | 1 | - Trình bày được những nét chính về công xã Pa–ri (năm 1871) và ý nghĩa lịch sử của việc thành lập nhà nước kiểu mới – nhà nước của giai cấp vô sản đầu tiên trên thế giới. |
| 11 | **Bài 11:** Phong trào công nhân và sự ra đời của chủ nghĩa Mác | 2 | - Nêu được sự ra đời của giai cấp công nhân.  - Trình bày được một số hoạt động chính của Mác, Ăng – ghen và sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học.  - Mô tả được một số hoạt động tiêu biểu của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX. |
| 12 | **Bài 12:** chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) | 2 | - Nêu được nguyên nhân bùng nổ chiến tranh thế giới thứ nhất.  - Phân tích đánh giá hậu quả và tác động của chiến tranh thế giới thứ nhất đối với lịch sử nhân loại. |
| 13 | **Bài 13**: Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 | 1 | - Nêu được một số nét chính (nguyên nhân, diễn biến, tác động và ý nghĩa lịch sử của cách mạng tháng Mười Nga năm 1917. |
| 14 | **Bài 14**: Sự phát triển của khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX. | 2 | - Mô tả được một số thành tựu tiêu biểu về khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX.  - Phân tích được những tác động của sự phát triển của khoa học, kĩ thuật, văn học nghệ thuật trong các thế kỉ XVII – XIX. |
| 15 | **Chương 5: CHÂU Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX**  **Bài 15**: Trung Quốc | 1 | - Mô tả quá trình xâm lược Trung Quốc của các nước đế quốc.  - Trình bày được sơ lược về cách mạng Tân Hợi.  - Nhận biết được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc cách mạng Tân Hợi. |
| 16 | **Bài 16**: Nhật Bản | 1 | - Nêu được những nội dung chính của cuộc Duy Tân Minh Trị.  - Trình bày được Ý nghĩa lịch sử của cuộc Duy Tân Minh Trị.  - Trình bày được những biểu hiện của sự hình thành chủ nghĩa đế quốc ở Nhật Bản vào cuối thế kỉ XIX. |
| 17 | **Bài 17:** Ấn Độ | 1 | - Trình bày được tình hình kinh tế, chính trị, xã hội Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX. |
| 18 | **Bài 18:** Đông Nam Á | 1 | - Nêu được một số sự kiện về phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX |
| 19 | **Chương 6: VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX**  **Bài 19**: Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX | 3 | - Mô tả được sự ra đời của nhà Nguyễn.  - Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị và sự phát triển kinh tế, văn hóa – xã hội của Việt Nam thời nhà Nguyễn.  - Mô tả được quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các vua Nguyễn |
| 20 | **Bài 20:** Cuộc kháng chiến chống Thực Dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1858 – 1884) | 3 | - Nêu được quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam  - Nêu được cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1858 – 1884) |
| 21 | **Bài 21**: Phong trào chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX. | 2 | - Trình bày được một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần Vương (1885 – 1896)  - Trình bày được những nét cơ bản của cuộc khởi nghĩa Yên Thế (1884 – 1913) |
| 22 | **Bài 22**: Trào lưu cải cách ở Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX | 1 | - Nhận biết được nguyên nhân đề nghị cải cách của các quan lại, sĩ phu yêu nước.  - Nhận biết được một số nội dung chính trong các đề nghị cải cách của các quan lại, sĩ phu yêu nước. |
| 23 | **Bài 23:** Việt Nam đầu thế kỉ XX | 3 | - Tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của Thực Dân Pháp đối với xã hội Việt Nam.  - Giới thiệu những nét chính về hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh.  - Giới thiệu những nét chính về hoạt động yêu nước của Nguyễn Tất Thành. |
| 24 | **Chủ đề:** Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. | 4 | - Xác định được vị trí, phạm vi của vùng biển và hải đảo Việt Nam (Theo Luật Biển Việt Nam)  - Trình bày được những nét chính về môi trường, tài nguyên thiên nhiên, phân tích được những thuận lợi và khó khăn đối với phát triển kinh tế, và bảo vệ chủ quyền, các lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.  - Trình bày quá trình xác lập chủ quyền biển đảo của Việt Nam trong lịch sử. |

**b.Phân môn Địa lí 8**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Bài học  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) |
| 1 | **Chương I: ĐẶC ĐIỂM VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI LÃNH THỔ, ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM.**  **Bài 1:** Đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ | 2 | - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí.  - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đốivới sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam. |
| 2 | **Bài 2:** Đặc điểm địa hình | 3 | -Trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hìnhViệt Nam  -Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi;địa hình đồng bằng; địa hình bờ biển và thềm lục địa |
| 3 | **Bài 3:** Ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hoá tự nhiên và khai thác kinh tế | 2 | - Tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hoá lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế. |
| 4 | **Bài 4:** Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản, sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản | 2 | -Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam.  - Phân tích được vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản. |
| 5 | **Bài 5:** Thực hành- Phân tích đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu. | 1 | - Phân tích đặc điểm phân bố các laoij khoáng sản chủ yếu. |
| 6 | **Chương 2: ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU VÀ THUỶ VĂN VIỆT NAM.**  **Bài 6:** Đặc điểm khí hậu. | 3 | -Trình bày được đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa củaViệt Nam.  - Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của khí hậu Việt Nam. |
| 7 | **Bài 7: Thực hành-**Vẽ và phân tích biểu đồ khí hậu. | 1 | – Vẽ và phân tích được biểu đồ khí hậu của một số trạm thuộc cácvùng khí hậu khác nhau. |
| 8 | **Bài 8:** Đặc điểm thuỷ văn | 3 | – Xác định được trên bản đồ lưu vực của các hệ thống sông lớn.  - Phân tích được đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn.  - Phân tích được vai trò của hồ, đầm và nước ngầm đối với sản xuấtvà sinh hoạt |
| 9 | **Bài 9:** Tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thuỷ văn Việt Nam | 2 | – Phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thuỷvăn Việt Nam.  -Tìm ví dụ về giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. |
| 10 | **Bài 10:** Vai trò của tài nguyên khí hậu và tài nguyên nước. | 3 | - Phân tích được vai trò của hồ, đầm và nước ngầm đối với sản xuất và sinh hoạt  - Phân tích được vai trò của khí hậu đối với sự phát triển du lịch ở một số điểm du lịch nổi tiếng của nước ta.  -Lấy ví dụ chứng minh được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở một lưu vực sông. |
| 11 | **Chương 3: ĐẶC ĐIỂM THỔ NHƯỠNG VÀ SINH VẬT VIỆT NAM. Bài 11:** Đặc điểm chung và sự phân bố của lớp phủ thổ nhưỡng. | 2 | - Chứng minh được tính chất nhiệt đới gió mùa của lớp phủ thổ nhưỡng.  -Trình bày được đặc điểm phân bố của ba nhóm đất chính. |
| 12 | **Bài 12:** Sử dụng hợp lí tài nguyên đất | 4 | – Phân tích được đặc điểm của đất feralit và giá trị sử dụng đất feralit trong sản xuất nông, lâm nghiệp  – Phân tích được đặc điểm của đất phù sa và giá trị sử dụng của đất phù sa trong sản xuất nông nghiệp, thuỷ sản.  - Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề chống thoái hoá đất. |
| 13 | **Bài 13:** Đặc điểm của sinh vật và vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học. | 4 | - Chứng minh được sự đa dạng của sinh vật ở Việt Nam  - Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam |
| 14 | **Chương 4: BIỂN ĐẢO VIỆT NAM**  **Bài 14:** Vị trí địa lí biển Đông, các vùng biển của Việt Nam. | 4 | - Xác định được trên bản đồ phạm vi Biển Đông, các nước và vùnglãnh thổ có chung Biển Đông với Việt Nam.  - Xác định được trên bản đồ các mốc xác định đường cơ sở, đường phân chia vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc  -Trình bày được các khái niệm vùng nội thuỷ, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam). |
| 15 | **Bài 15:** Đặc điểm tự nhiên, môi trường và tài nguyên vùng biển đảo Việt Nam | 5 | – Trình bày được đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam.  – Nêu được đặc điểm môi trường biển đảo và vấn đề bảo vệ môi trường biển đảo Việt Nam.  -Trình bày được các tài nguyên biển và thềm lục địa Việt Nam |
| 16 | **Chủ đề 1:** Văn minh châu thổ Sông Hồng và sông Cửu Long | 3 | -Trình bày được quá trình hình thành và phát triển châu thổ sông Hồng và châu thổ sông Cửu Long  -Mô tả được chế độ nước của các dòng sông chính.  -Trình bày được quá trình con người khai khẩn và cải tạo châu thổ, chế ngự và thích ứng với chế độ nước của sông Hồng và sông Cửu Long. |

4. **Phân phối chương trình Mĩ thuật**

**a.Phân phối Mĩ thuật 6**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Bài học  (1) | | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) |
| **HỌC KÌ I** | | | | |
| 1 | Chủ đề : Biểu cảm của sắc màu | *Bài 1:* Tranh vẽ theo giai điệu âm nhạc | 2tiết | -Chỉ ra được sự biểu cảm của chấm, nét, màu trong tranh.  -Tạo được bức tranh tưởng tượng từ giai điệu của âm nhạc.  -Cảm nhận được sự tương tác giữa âm nhạc và hội họa. |
| 2 | Bài 2: Tranh tĩnh vật màu | 2 tiết | -Nêu được biểu cảm của hòa sắc trong tranh tĩnh vật  -Vẽ được bức tranh tĩnh vật màu có ba vật mẫu trở lên.  -Phân tích được nét đẹp về bố cục, tỉ lệ, màu sắc trong tranh.  -Cảm nhận được vẻ đẹp của hoa trái trong đời sống và tác phẩm mĩ thuật. |
| 3 | Bài 3: Tranh in hoa lá | 2 tiết | -Chỉ ra được một số kĩ thuật in từ các vật liệu khác nhau.  -Tạo được bức tranh in hoa lá.  -Nhận biết được biểu cảm và nét đẹp tạo hình của hoa lá trong sản phẩm in. Biết được cách vận dụng kĩ thuật trong học tập và sáng tạo mĩ thuật. |
| 4 | Bài 4: Bưu thiệp chúc mừng | 2 tiết | -Chỉ ra được cách kết hợp chữ, hình để tạo sản phẩm thiệp chúc mừng.  -Tạo được thiệp chúc mừng với hình có sẵn.  -Phân tích được vai trò của chữ, hình, màu và sự hài hòa trên thiệp. Nhận biết được giá trị văn hóa tinh thần của thiệp chúc mừng trong cuộc sống. |
| 5 | Chủ đề: Nghệ thuật tiền sử thế giới và Việt Nam | Bài 1: Những hình vẽ trong hang động | 2 tiết | -Nêu được cách mô phỏng hình vẽ theo mẫu.  -Mô phỏng được hình vẽ của người tiền sử theo cách cảm nhận.  -Cảm nhận được vẻ đẹp và giá trị của mĩ thuật thời Tiền sử.  -Có ý thức trân trọng, bảo tồn và phát triển văn hóa nghệ thuật của người xưa. |
| 6 | Bài 2: Thời trang với hình vẽ thời Tiền sử | 2 tiết | -Chỉ ra được cách xử lí hài hòa về tỉ lệ của hình, màu trên sản phẩm thời trang.  -Tạo được sản phẩm thời trang có hình vẽ trang trí thời Tiền sử.  -Phân tích được giá trị thẩm mĩ và tính cân bằng của hình trang trí trên sản phẩm thời trang. Nhận biết được hình thức ứng dụng nghệ thuật thời Tiền sử vào cuộc sống. |
| 7 | Bài 3: Túi giấy đựng quà tặng | 2 tiết | -Chỉ ra được cách thiết kế tạo dáng và trang trí một chiếc túi đựng quà đơn giản.  -Thiết kế được chiếc túi đựng quà bằng giấy bìa có trang trí họa tiết thời Tiền sử.  -Nhận biết được quy trình thiết kế tạo dáng và trang trí một sản phẩm phục vụ đời sống. |
| 8 | Chủ đề: Lễ hội quê hương | Bài 1:Nhận vật 3D từ dây thép | 2 tiết | -Chỉ ra được kĩ thuật kết hợp dây thép và giấy để tạo hình nhân vật 3D.  -Tạo được hình dáng của nhân vật 3D bằng dây thép và giấy.  -Bước đầu nhận biết được tỉ lệ, sự cân đối của hình khối trong sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật. |
| 9 |  | Bài 2: Trang phục trong lễ hội | 2 tiết | - Chỉ ra được cách lựa chọn vật liệu và thiết kế trang phục cho nhân vật 3D.  -Thiết kế được trang phục thể hiện đặc điểm của nhân vật theo ý tưởng. |
| **Học Kì II** | | | | |
| 10 |  | Bài 3: Hoạt trong cảnh ngày hội | 2 tiết | -Chỉ ra được cách sắp đặt nhân vật, hình khối tạo nhịp điệu, không gian trong sản phẩm mĩ thuật.  -Tạo được mô hình hoạt cảnh ngày hội.  -Phân tích được hình khối, không gian, nhịp điệu và sự hài hòa trong sản phẩm mĩ thuật. Có ý thức giữ gìn, phát huy nét đẹp bản sắc văn hóa dân tộc. |
| 11 | Bài 4: Hội xuân quê hương | 2 tiết | -Chỉ ra được cách bố cục hình, màu sắc tạo không gian, nhịp điệu trong tranh.  -Vẽ được bức tranh theo đề tài lễ hội quê hương.  -Phân tích được nhịp điệu của nét, hình, màu và không gian trong sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.  -Nhận biết được cách diễn tả không gian, vẻ đẹp trong tranh dân gian Việt Nam và biết ứng dụng trong học tập sáng tạo. |
| 12 | Chủ đề:  Nghệ thuật cổ đại thế giới và VN | Bài 1: Ai cập Cổ đại trong mắt em | 2 tiết | -Chỉ ra được nét đẹp đặc trưng của nghệ thuật cổ đại và cách vẽ tranh qua ảnh.  -Vẽ được bức tranh có hình ảnh nghệ thuật Ai Cập cổ đại.  -Phân tích được nét độc đáo, giá trị của nghệ thuật cổ đại thế giới và nhận biết được một số công trình tác phẩm tiêu biểu của thời kì này. |
| 13 | Bài 2: Họa tiết trống đồng | 2 tiết | -Chỉ ra được cách tạo hình bằng kĩ thuật in, mô phỏng được họa tiết trống đồng bằng kĩ thuật in.  -Phân tích được vẻ đẹp của họa tiết trống đồng qua hình in. Có ý thức trân trọng, giữ gìn phát triển di sản nghệ thuật dân tộc. |
|  |  |  |  |
| 14 | Bài 2: Thảm trang trí với họa tiết trống đồng | 2 tiết | -Chỉ ra được cách vận dụng nguyên lí lặp lại, cân bằng và nhịp điệu trong trang trí thảm hình vuông.  -Trang trí được thảm hình vuông với họa tiết trống đồng.  -Phân tích được nhịp điệu và sự cân bằng trong bài vẽ. Có ý thức giữ gìn nét đẹp di sản nghệ thuật của dân tộc. |
| 15 | Chủ đề: Vật liệu hữu ích | Bài 1: Sản phẩm từ vật liệu đã qua sử dụng đồng | 2 tiết | -Nêu được một số cách thức tạo hình và trang trí sản phẩm từ vật liệu đã qua sử dụng.  -Tạo hình và trang trí được sản phẩm ứng dụng từ vật liệu đã qua sử dụng.  -Nhận ra được ý nghĩa của việc tận dụng vật liệu đã qua sử dụng trong học tập và trong cuộc sống. |
| 16 | Bài 2: Mô hình ngôi nhà 3D | 2 tiết | -Nêu được cách kết hợp các hình thức, khối của vật liệu đã qua sử dụng để tạo mô hình ngôi nhà.  -Tạo được mô hình ngôi nhà 3D từ các vật liệu đã qua sử dụng.  -Phân tích được tỉ lệ, sự hài hòa về hình khối, màu sắc, vật liệu của mô hình ngôi nhà. Nhận biết được giá trị của đồ vật đã qua sử dụng có ý thức bảo vệ môi trường. |
| 17 | Bài 3: Khu nhà tương lai | 2 tiết | -Chỉ ra được sự kết hợp hài hòa của các hình khối, đường nét, màu sắc của các mô hình nhà để tạo mô hình khu nhà.  -Tạo được mô hình khu nhà và cảnh vật mong muốn trong tương lai.  -Phân tích được nhịp điệu, sự hài hòa của hình khối, đường nét, màu sắc, không gian trong mô hình khu nhà. Có ý thức giữ gìn vệ sinh và xây dựng môi trường sống xanh, sạch đẹp. |
| 18 |  | Bài tổng kết: Các hình thức mĩ thuật | 1 tiết | -Chỉ ra được những bài học thuộc các thể loại: Mĩ thuật tạo hình, mĩ thuật ứng dụng, tích hợp lí luận và lịch sử mĩ thuật.  -Lập được sơ đồ (hoặc bằng thống kê) các bài học thuộc các thể loại trên.  -Tự đánh giá được quá trình và kết quả học tập môn Mĩ thuật của bản thân. |
|  | | | | |

**b.Phân môn Mĩ Thuật 7**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học** | | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** | **Ghi chú** |
| **HỌC KÌ I** | | | | |  |
| **1** | **CHỦ ĐỀ: CHỮ CÁCH ĐIỆU TRONG ĐỜI SỐNG** | Bài 1. Nhịp điệu và sắc màu của chữ | 2 tiết | - Chỉ ra được nét đẹp, cách tạo hình và trang trí từ những chữ cái.  - Tạo được bố cục trang trí bằng những chữ cái.  - Phân tích được nhịp điệu và sự tương phản của nét, hình, màu trong bài vẽ  - Nêu được vai trò, giá trị tạo hình của chữ ứng dụng trong đời sống. |  |
|  |
| Bài 2: Logo dạng chữ | 2 tiết | - Nêu được cách thức sáng tạo logo dạng chữ  - Vẽ được logo tên lớp  - Phân tích được sự phù hợp giữa nội dung và hình thức, tính biểu tượng của logo trong sản phẩm  - Chia sẻ được cảm nhận về sự hấp dẫn của chữ trong thiết kế logo |  |
|  |
| **2** | **CHỦ ĐỀ: NGHỆ THUẬT TRUNG ĐẠI VIỆT NAM** | Bài 3: Đường diềm trang trí với họa tiết thời Lý | 2 tiết | - Chỉ ra được vẻ đẹp tạo hình và cách trang trí đường diềm với họa tiết thời Lý  - Tạo được mẫu trang trí đường diềm với họa tiết thời Lý  - Phân tích đực sự lặp lại, nhịp điệu, hài hòa về đường nét, hình khối của họa tiết thời Lý trong sản phẩm mĩ thuật.  - Có ý thức giữ gìn, phát huy nét đẹp di sản nghệ thuật của dân tộc. |  |
|  |
| Bài 4. Trang phục áo dài với họa tiết dân tộc | 2 tiết | - Chỉ ra được cách lựa chọn và vận dụng họa tiết dân tộc vào thiết kế trang phục.  - Mô phỏng được dáng áo dài và họa tiết trang trí dân tộc.  - Phân tích được nguyên lí cân bằng , nhịp điệu và điểm nhấn của hình trang trí trong sản phẩm.  - Có ý thức giữ gìn và phát huy giá trị của di sản nghệ thuật dân tộc. |  |
|  |
| Bài 5: Bìa sách với di sản kiến trúc Việt Nam | 2 tiết | - Nêu được cách kết hợp chữu, hình, màu tạo bìa sách.  - Tạo được bìa sách, giới thiệu công trình kiến trúc Trung đại VN.  - Phân tích được sự hài hòa về màu sắc, tỉ lệ hình và chữ trên bìa sách.  - Có ý thức bảo tồn và quảng bá giá trị của di sản văn hóa dân tộc. |  |
|  |
| **3** | **CHỦ ĐỀ: HÌNH KHỐI TRONG KHÔNG GIAN** | Bài 6: Mẫu vật dạng khối trụ, khối cầu | 2 tiết | - Chỉ ra được cách vẽ vật mẫu có khối trụ, khối cầu trên mặt phẳng.  - Vẽ và diễn tả được hình khối và không gian của vật mẫu trên mặt phẳng.  - Phân tích được đậm nhạt diễn tả hướng ánh sáng trong bài vẽ.  - Nhận biết được vẻ đẹp của không gian, ánh sánh tác động lên hình khối trên tự nhiên. |  |
|  |
| Bài 7: Ngôi nhà trong tranh | 2 tiết | - Chỉ ra được cách vẽ phối cảnh xa gần của ngôi nhà và cảnh vật trong tranh.  - Vẽ được bức tranh ngôi nhà có hình khối và không gian.  - Phân tích được màu sắc, đậm nhạt của ngôi nhà và cảnh vật trong bài vẽ.  - Chia sẻ được cảm nhận về vài trò của môi trường với cuộc sống của con người. |  |
|  |
| Bài 8: Chao đèn trong trang trí kiến trúc | 2 tiết | - Chỉ ra được vẻ đẹp và kĩ thuật thiết kế tạo dáng sản phẩm với nghuyên lí lập laik, cân bằng.  - Tạo được chao đèn trong trang trí kiến trúc bằng bìa các-tông.  - Trình bày ý tưởng và phân tích được các nguyên lí tạo hình vận dụng trong sản phẩm.  - Nêu được vai trò, ý nghĩa, công năng của sản phẩm thiết kế phục vụ đời sống. |  |
|  |
| **4** | **TỔNG KẾT HỌC KÌ I** | Trưng bày sản phẩm mĩ thuật | 2 tiết | - Nêu được các hình thức mĩ thuật của mỗi bài học.  - Lựa chọn trưng bày được các sản phẩm mĩ thuật.  - Chỉ ra được các yếu tố và nguyên lí mĩ thuật được sử dụng trong sản phẩm.  - Tự đánh giá được kết quả học tập môn Mĩ thuật của bản thân và tham gia đánh giá kết quả học tập của bạn. |  |
| Phân tích và đánh giá sản phẩm học tập |  |
| **HỌC KÌ II** | | | | | |
| **5** | **CHỦ ĐỀ: NGHỆ THUẬT TRUNG ĐẠI THẾ GIỚI** | Bài 9: Cân bằng đối xứng trong kiến trúc Gothic | 2 tiết | - Chỉ ra được nét đặc trưng và cách vẽ mô phỏng cửa sổ theo kiến trức Gothic.  - Vẽ mô phỏng được cửa sổ theo kiến trúc Gothic.  - Phân tích được nguyên lí cân bằng đối xứng, lập lại trong cấu trúc của sổ theo kiến trúc Gothic.  - Nêu được cảm nhận về vẻ đẹp và phong cách chủ đạo trong trang trí kiến trúc thời Trung đại. |  |
|  |
| Bài 10: Hình khối của nhân vật trong điêu khắc | 2 tiết | - Nêu được cách tạo hình nhân vật 3D theo tỉ lệ đầu người.  - Mô phỏng được hình dáng nhân vật theo tỉ lệ đầu người bằng dây thép và đất nặn.  - Phân tích được tỉ lệ, sự cân đối về hình không trong sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.  - Chia sẻ được cảm nhận về vẻ đẹp của hình thể con người trong tác phẩm điêu khắc Trung đại. |  |
|  |
| Bài 11: Vẻ đẹp của nhân vật trong tranh thời Phục hưng | 2 tiết | - Nêu được cách mô phỏng hình chân dung trong tranh thời Phục hưng.  - Vẽ mô phỏng được nhân vật trong tranh thời Phục hưng.  - Phân tích được nét đẹp đặc trưng của chân dung nhân vật trong tranh Phục hưng và trong bài vẽ.  - Có ý thức phát huy giá trị thẩm mĩ của nghệ thuật Phục hưng trong học tập và sáng tạo. |  |
|  |
| Bài 12: Những mảnh ghép thú vị | 2 tiết | - Chỉ ra được vẻ đẹp tạo hình và cách làm trang ghép mảnh bằng giấy màu.  - Tạo được bức tranh ghép mảng bằng giấy, bìa màu.  - Phân tích được vẻ đẹp tạo hình của tranh ghép mảnh qua sản phẩm mĩ thuật.  - Nêu được vai trò và giá trị của việc ứng dụng hình thức tranh Mosaic trong cuộc sống. |  |
|  |
| **6** |  | Bài 13: Chạm khắc đình làng | 2 tiết | - Chỉ ra được vẻ đẹp tạo hình và cách mô phỏng hình ảnh chạm khắc đình làng.  - Mô phỏng được một hình ảnh chạm khắc đình làng bằng đất nặn hoặc vật liệu dẻo.  - Phân tích được vẻ đẹp của hình khối, tỉ lên trong sản phẩm mĩ thuật.  - Nêu được giá trị lịch sử, văn hóa của nghệ thuật điêu khắc đình làng. |  |
|  |
| **CHỦ ĐỀ: CUỘC SỐNG XƯA VÀ NAY** | Bài 14: Nét, màu trong tranh dân gian Hàng Trống | 2 tiết | - Nêu được nét, màu sắc đặc trưng và hình thức thể hiện của tranh dân gian Hnagf Trống.  - Vẽ mô phỏng được một bức tranh dân gian Hàng Trống.  - Phân tích được nét, màu trong tranh dân gian Hàng Trống và trong bài vẽ.  - Có ý thức vận dụng các giá trị thẩm mĩ của tranh dân gian trong học tập va trong cuộc sống. |  |
|  |
| Bài 15: Tranh vẽ theo hình thức ước lệ | 2 tiết | - Chỉ ra được cách vẽ tranh theo hình thức ước lệ của tranh dân gian.  - Vẽ được bức tranh thể hiện hoạt động ngày hè theo hình thức ước lệ.  - Phân tích được nét đặc trưng về tỉ lệ nhân vật, màu sắc không gian trong tranh dân gian và trong bài vẽ.  - Có ý thức vận dụng nét vẽ của tranh dân gian trong học tập và sáng tạo. |  |
|  |
| Bài 16: Sắc màu của tranh in | 2 tiết | - Nêu được nét đặc trưng của hình in và kĩ thuật tạo tranh in độc bản đơn giản.  - Tạo được tranh in từ mica.  - Phân tích được màu sắc, chất cảm của hình in tronh sản phẩm mĩ thuật.  - Chỉ ra được đặc điểm của tranh in độc bản. |  |
|  |
| **7** | **TỔNG KẾT HỌC KÌ II** | Trưng bày sản phẩm mĩ thuật | 1 tiết | - Nêu được các hình thức mĩ thuật của mỗi bài học.  - Lựa chọn và trưng bày được các sản phẩm mĩ thuật.  - Chỉ ra được các yếu tố và nguyên lí mĩ thuật được sử dụng trong sản phẩm.  - Tự đánh giá được kết quả học tập môn Mĩ thuật của bản thân và tham gia đánh giá kết quả học tập của bạn. |  |

**c.Phân phối môn Mĩ thuật 8**

**Phân phối chương trình môn Mĩ thuật 8**

| **STT** | **Bài học**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt (3)** | **GHI CHÚ**  **TIẾT THEO PPCT** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CHỦ ĐỀ 1:  NGHỆ THUẬT HIỆN ĐẠI THẾ GIỚI (6 Tiết)** | | | | |
| 1 | Bài 1:  Thiên nhiên trong tranh của hoạ sĩ Paul Gauguin | 2 | - Nêu được khái quát về trường phái Ấn tượng; Tóm tắt được vài nét về cuộc đời hoạ sĩ Paul Gauguin; Phân tích được cách thể hiện màu sắc, ánh sáng và không gian trong tranh của hoạ sĩ và trong bài vẽ.  - Mô phỏng được bức tranh theo phong cách của hoạ sĩ Paul Gauguin với các nhân vật mới.  - Vận dụng cách thể hiện màu sắc, ánh sáng trong tranh của hoạ sĩ để sáng tạo được sản phẩm mĩ thuật phục vụ cuộc sống. Có ý thức tìm hiểu tinh hoa mĩ thuật thế giới để làm giàu nền nghệ thuật dân tộc. | 1,3 |
| 2 | Bài 2: Nghệ thuật tranh cắt dán (Collage art) | 2 | - Nêu được khái quát tiến trình phát triển, đặc điểm tác phẩm, tác giả tiêu biểu của trường phái Lập thể. Phân tích được sự đa dạng về hình ảnh, màu sắc trong tác phẩm của trường phái Lập thể và sản phẩm mĩ thuật.  - Tạo được bức tranh cắt dán – Collage art, theo trường phái Lập thể từ những hình ảnh, màu sắc có sẵn trên vật liệu.  - Vận dụng được cách tạo bức tranh cắt dán để làm các sản phẩm mĩ thuật khác từ vật liệu tái chế. Chia sẻ được ý nghĩa và giá trị của việc sử dụng vật liệu tái chế, góp phần bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp. | 5,7 |
| 3 | Bài 3: Tranh chân dung theo trường phái Biểu hiện | 2 | - Nêu được tiến trình phát triển, đặc điểm tác phẩm, tác giả tiêu biểu của trường phái Biểu hiện.  - Phân tích được nét, màu biểu cảm trong tranh của hoạ sĩ thuộc trường phái Biểu hiện và sản phẩm mĩ thuật.  - Vẽ được tranh chân dung với nét, màu thể hiện trạng thái cảm xúc của nhân vật theo trường phái Biểu hiện.  - Sử dụng được nét, hình, màu trong tranh của trường phái Biểu hiện để vẽ chân dung người thân, bạn bè. Tôn trọng sự khác biệt về cách thể hiện đặc điểm riêng bên ngoài và cảm xúc của người khác. | 9,11 |
| **CHỦ ĐỀ 2: NGHỆ THUẬT HIỆN ĐẠI VIỆT NAM (6 Tiết)** | | | | |
| 4 | Bài 4: Nét đặc trưng trong tranh sơn mài Việt Nam | 2 | - Nêu được khái quát về nghệ thuật tranh sơn mài Việt Nam. Tóm tắt được cuộc đời, sự nghiệp và đóng góp của hoạ sĩ Nguyễn Gia Trí cho nghệ thuật tranh sơn mài. Chỉ ra và phân tích được cách sử dụng vỏ trứng để tạo hình, màu và chất cảm trong tranh.  - Tạo được bức tranh có sử dụng vỏ trứng để tạo hình, màu và chất cảm.  - Vận dụng kĩ thuật gắn vỏ trứng để trang trí các sản phẩm mĩ thuật khác trong cuộc sống.  - Xác định được trách nhiệm trong học tập, sáng tạo và phát huy giá trị văn hoá, nghệ thuật của dân tộc trong cuộc sống. | 13,15 |
| 5 | Bài 5: Nét đẹp trong tranh lụa của hoạ sĩ Nguyễn Phan Chánh | 2 | - Nêu được khái quát về nghệ thuật tranh lụa Việt Nam. Tóm tắt được cuộc đời, sự nghiệp và nét đặc trưng trong tranh lụa của hoạ sĩ Nguyễn Phan Chánh.  - Sử dụng cách vẽ màu nước để mô phỏng được bức tranh theo phong cách của hoạ sĩ Nguyễn Phan Chánh.  - Vận dụng được kĩ thuật vẽ màu nước để tạo một bức tranh.  - Trân trọng, giữ gìn bản sắc và phát huy được giá trị, vẻ đẹp văn hoá, nghệ thuật của dân tộc trong học tập và sáng tạo. | 17,19 |
| 6 | Bài 6: Tượng chân dung nhân vật | 2 | - Nêu được khái quát về thành tựu, một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của điêu khắc hiện đại Việt Nam. Chỉ ra được cách tạo hình khối, chất cảm cho tượng chân dung nhân vật.  - Tạo được tượng chân dung nhân vật có tỉ lệ hài hoà với hình mẫu bằng đất nặn.  - Sử dụng được cách tạo khối, chất cảm cho tượng chân dung nhân vật em yêu thích.  - Tôn trọng sự khác biệt về cách thể hiện đặc điểm riêng bên ngoài và cảm xúc của mỗi cá nhân trong cuộc sống. | 21,23 |
| **CHỦ ĐỀ 3: MĨ THUẬT CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM**  **(4 Tiết)** | | | | |
| 7 | Bài 7: Tạo mẫu nền trang trí với hoạ tiết dân tộc thiểu số Việt Nam | 2 | - Nhận biết được cách sắp xếp hoạ tiết, màu sắc trong mẫu vẽ vải của dân tộc thiểu số.  - Tạo được khuôn in với hình hoạ tiết dân tộc thiểu số.  - Sử dụng khuôn để in được nền trang trí theo nguyên lí lặp lại.  - Chia sẻ được ý tưởng vận dụng, phát huy các giá trị văn hoá nghệ thuật truyền thống của dân tộc trong học tập và trong cuộc sống. | 25,27 |
| 9 | Bài 8: Thiết kế trang phục với hoạ tiết dân tộc | 2 | - Nhận biết được vẻ đẹp của hoạ tiết dân tộc, màu sắc hài hoà trong một sản phẩm thời trang. Nêu được cách tạo hình và thiết kế sản phẩm thời trang từ nền trang trí hoạ tiết dân tộc thiểu số.  - Thiết kế được bộ trang phục với hoạ tiết dân tộc thiểu số.  - Có ý tưởng và chia sẻ cách thiết kế thời trang từ những hoạ tiết dân tộc thiểu số.  - Chỉ ra được trách nhiệm của cá nhân trong việc bảo tồn, phát triển di sản văn hoá dân tộc trong cuộc sống và trong học tập, sáng tạo. | 29,31 |
| 10 | Tổng kết HKI: Trưng bày sản phẩm mĩ thuật | 1 | - Chỉ ra được các yếu tố, nguyên lí tạo hình được vận dụng trong sản phẩm mĩ thuật. Nêu được tên và hình thức mĩ thuật đặc trưng của các bài trong học kì I.  - Tạo và trưng bày được sản phẩm mĩ thuật của bài học yêu thích.  - Đánh giá được kết quả học tập môn Mĩ thuật của bản thân và của bạn. | 33,35 |
| **CHỦ ĐỀ 4: NỘI THẤT CĂN PHÒNG (4 Tiết)** | | | | |
| 11 | Bài 9:  Thiết kế sản phẩm nội thất | 2 | - Phân tích được vẻ đẹp tạo hình và công năng sử dụng của sản phẩm mĩ thuật. Trình bày được ý tưởng và cách thiết kế tạo dáng sản phẩm nội thất.  - Thiết kế được hình dáng sản phẩm nội thất từ giấy bìa.  - Vận dụng được phương pháp sáng tạo từ bài để thực hiện một mô hình sản phẩm nội thất.  - Chia sẻ được trách nhiệm của cá nhân đối với việc sử dụng vật liệu để tiết kiệm và bảo vệ môi trường. | 37,39 |
| 12 | Bài 10: Thiết kế mô hình căn phòng | 2 | - Phân tích được sự hài hoà về hình khối và không gian trong sản phẩm mĩ thuật. Nêu được cách sắp xếp đồ vật tạo không gian nội thất phù hợp với chức năng của căn phòng.  - Thiết kế được mô hình một không gian nội thất phù hợp với công năng sử dụng.  - Vận dụng kiến thức và kĩ năng vào thiết kế mô hình không gian nội thất cho căn nhà của mình và người thân trong tương lai.  - Có ý thức bản thân và nhắc nhở người xung quanh về việc giữ gìn, bảo quản đồ nội thất. | 41,43 |
| **CHỦ ĐỀ 5: MĨ THUẬT TRONG CUỘC SỐNG (8 Tiết)** | | | | |
| 13 | Bài 11:  Tạo hoạ tiết trang trí bằng  chấm màu | 2 | - Nhận biết được sự tương đồng và khác biệt của hoạ tiết vẽ bằng chấm trong sản phẩm mĩ thuật và trong bài vẽ. Chỉ ra được phương thức chép và cách điệu hoa, lá bằng chấm màu để tạo hoạ tiết trang trí.  - Tạo được hoạ tiết trang trí hình hoa, lá từ các chấm màu.  - Vận dụng kĩ thuật từ bài học vào những nội dung sáng tạo mĩ thuật khác.  - Nêu được trách nhiệm, rèn luyện đức tính chăm chỉ trong học tập và cuộc sống. | 45,47 |
| 14 | Bài 12:  Tranh  tĩnh vật | 2 | - Nhận biết được tỉ lệ, độ đậm nhạt, hình khối và không gian phức hợp trong bài vẽ.  - Nêu được cách vẽ nhóm mẫu vật có dạng khối trụ, khối cầu, khối lập phương bằng quan sát thực tế.  - Vẽ và diễn tả được hình khối của đồ vật có tỉ lệ phù hợp với mẫu vật bằng bút chì.  - Có khả năng vận dụng kĩ năng diễn tả các đồ vật, vật dụng trong các trường hợp khác ở trạng thái tĩnh.  - Nêu được cảm nhận về vẻ đẹp của đồ vật và giá trị thẩm mĩ của tranh tĩnh vật trong cuộc sống. | 49,51 |
| 15 | Bài 13:  Tranh trang trí với các màu tương phản | 2 | - Phân tích được nét, hình, màu tương phản trong tranh và trong bài vẽ. Chỉ ra được cách sử dụng màu tương phản tạo bức tranh trang trí.  - Vẽ được bức tranh trang trí có màu sắc tươi vui, rực rỡ.  - Áp dụng được kiến thức, kĩ năng tạo hiệu quả tranh có sắc thái tương phản.  - Chia sẻ được giá trị thẩm mĩ của bức tranh có hoà sắc màu tương phản. | 53,55 |
| 16 | Bài 14:  Tranh  áp phích | 2 | - Nêu được giá trị của hình ảnh có tính tượng trưng, tính biểu tượng và cách sử dụng chữ, hình, màu trong áp phích.  - Tạo được tranh áp phích về chủ đề văn hoá – xã hội.  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để vẽ được tranh áp phích với các chủ đề khác nhau.  - Chia sẻ với người thân, bạn bè về trách nhiệm đối với các vấn đề văn hoá – xã hội được tuyên truyền, cổ động. | 57,59 |
| **CHỦ ĐỀ 6: HƯỚNG NGHIỆP (4 Tiết)** | | | | |
| 17 | Bài 15:  Khái quát về ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật tạo hình | 2 | - Chỉ ra được vai trò, hình thức thể hiện của một số ngành nghề Mĩ thuật tạo hình và liệt kê được một số ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật tạo hình.  - Biết cách tìm hiểu, nghiên cứu các ngành nghề và các vấn đề liên quan đến Mĩ thuật tạo hình và làm được sản phẩm báo cáo kết quả.  - Sử dụng kiến thức từ bài học để đưa ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp tương lai của bản thân.  - Chia sẻ được về ngành nghề liên quan đến MT tạo hình có tiềm năng phát triển trong tương lai. | 61,63 |
| 18 | Bài 16:  Đặc trưng của một số nghề liên quan đến Mĩ thuật tạo hình | 2 | - Phân tích, so sánh và nêu được các yếu tố đặc trưng của một số nghề liên quan đến MT tạo hình.  - Tạo được sản phẩm giới thiệu về các yếu tố đặc trưng của một số nghề liên quan đến MT tạo hình.  - Chia sẻ được về ngành nghề Mĩ thuật tạo hình có tiềm năng phát triển trong tương lai. | 65,67 |
| 19 | Bài tổng kết:  Trưng bày sản phẩm mĩ thuật | 1 | - Chỉ ra được nét đặc trưng về ngôn ngữ tạo hình của sản phẩm mĩ thuật và nêu được tên của các hình thức mĩ thuật đã học trong năm ở lớp 8.  - Tạo được không gian trưng bày sản phẩm mĩ thuật phù hợp.  - Đánh giá được kết quả học tập môn Mĩ thuật của bản thân và của bạn. | 69 |

1. **Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

**Nghệ thuật 6 (mĩ thuật)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 9 | Mô phỏng được hình vẽ thời tiền sử | Bài thực hành |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 18 | Thiết kế được trang phục lễ hội cho nhân vật. | Bài thực hành |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 26 | Mô phỏng được họa tiết trên trống đồng bằng kĩ thuạt in | Bài thực hành |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 34 | Tạo được mô hình khu nhà tương lai | Bài thực hành |

**Nghệ thuật 7 (mĩ thuật)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian | Thời điểm | Yêu cầu cần đạt | Hình thức |
| Giữa Học kỳ 1  Bài 5: Bìa sách với di sản kiến trúc Việt Nam | 45p | Tuần 9 | - Tạo được bìa sách, giới thiệu công trình kiến trúc Trung đại VN.  - Phân tích được sự hài hòa về màu sắc, tỉ lệ hình và chữ trên bìa sách.  - Có ý thức bảo tồn và quảng bá giá trị của di sản văn hóa dân tộc. | Thực hành |
| Cuối Học kỳ 1  Bài 8: Chao đèn trong trang trí | 45p | Tuần 16 | - Thiết kế tạo dáng và trang trí chao đèn.  - Tạo được chao đèn trong trang trí kiến trúc bằng bìa các-tông.  - Trình bày ý tưởng và phân tích được các nguyên lí tạo hình vận dụng trong sản phẩm.  - Nêu được vai trò, ý nghĩa, công năng của sản phẩm thiết kế phục vụ đời sống. | Thực hành |
| Giữa Học kỳ 2  Bài 12: Những mảnh ghép thú vị. | 45p | Tuần 26 | - Tạo được bức tranh ghép mảng bằng giấy, bìa màu.  - Phân tích được vẻ đẹp tạo hình của tranh ghép mảnh qua sản phẩm mĩ thuật.  - Nêu được vai trò và giá trị của việc ứng dụng hình thức tranh Mosaic trong cuộc sống. | Thực hành |
| Cuối Học kỳ 2.  Bài 16: Sắc màu của tranh in | 45p | Tuần 34 | - Tạo được tranh in từ mica.  - Phân tích được màu sắc, chất cảm của hình in tronh sản phẩm mĩ thuật.  - Chỉ ra được đặc điểm của tranh in độc bản | Thực hành |

**Nghệ thuật 8 (mĩ thuật)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian | Thời điểm | Yêu cầu cần đạt | Hình thức |
| **Giữa Học kỳ 1** | 45 phút | **Tuần 09**  **Bài 4: Nét đặc trưng trong tranh sơn mài Việt Nam** | - Tạo được bức tranh có sử dụng vỏ trứng để tạo hình, màu và chất cảm.  - Vận dụng kĩ thuật gắn vỏ trứng để trang trí các sản phẩm mĩ thuật khác trong cuộc sống.  - Xác định được trách nhiệm trong học tập, sáng tạo và phát huy giá trị văn hoá, nghệ thuật của dân tộc trong cuộc sống. | Bài thực hành |
| **Cuối Học kỳ 1** | 45 phút | **Tuần 17**  **Bài 8:**  **Thiết kế trang phục với hoạ tiết dân tộc** | - Thiết kế được bộ trang phục với hoạ tiết dân tộc thiểu số.  - Có ý tưởng và chia sẻ cách thiết kế thời trang từ những hoạ tiết dân tộc thiểu số.  - Chỉ ra được trách nhiệm của cá nhân trong việc bảo tồn, phát triển di sản văn hoá dân tộc trong cuộc sống và trong học tập, sáng tạo. | Bài thực hành |
| **Giữa Học kỳ 2** | 45 phút | **Tuần 26**  **Bài 12:**  **Tranh tĩnh vật** | - Vẽ và diễn tả được hình khối của đồ vật có tỉ lệ phù hợp với mẫu vật bằng bút chì.  - Có khả năng vận dụng kĩ năng diễn tả các đồ vật, vật dụng trong các trường hợp khác ở trạng thái tĩnh. | Bài thực hành |
| **Cuối Học kỳ 2** | 45 phút | **Tuần 34**  **Bài 16:  Đặc trưng của một số nghề liên quan đến Mĩ thuật tạo hình** | - Tạo được sản phẩm giới thiệu về các yếu tố đặc trưng của một số nghề liên quan đến MT tạo hình.  - Chia sẻ được về ngành nghề Mĩ thuật tạo hình có tiềm năng phát triển trong tương lai. | Bài thực hành |

*(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*

*(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

.........................................................................................................................................

**6.Phân phối chương trình Âm nhạc**

**a. Phân phối môn Âm nhạc 6**

**1. Phân phối chương trình Âm nhạc 6** *(Cả năm: 35 tiết; Học kỳ I: 18 tiết; Học kỳ II: 17 tiết)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** |  | | **Bài/ Chủ đề** | **Số tiết** | **Yêu câu cần đạt** | | |
| **Học kỳ I: 18 tiết/tuần** | | | | | | | |
| 1 | **CHỦ ĐỀ 1: TUỔI HỌC TRÒ** | | - Học hát bài: *Con đường học trò.*  - Nghe nhạc: Bài hát *Tháng năm học trò.* | **4** | **\* Kiến thức:**  - Hát đúng giai điệu, lời ca, sắc thái bài hát *Con đường học trò.*  - Nghe và cảm nhận bài hát giai điệu, nội dung, sắc thái bài hát *Tháng năm học trò.*  **\* Năng lực:**  - Biết thể hiện bài hát bằng các hình thức khác nhau.  - Biết biểu lộ cảm xúc khi nghe bài hát *Tháng năm học trò.*  **\* Phẩm chất:**  **-** Qua giai điệu lời ca của bài hát Hs biết yêu mến thầy cô, đoàn kết bạn bè, có những ước mơ và kỉ niệm đẹp của tuổi học trò.  - Học sinh có ý thức, trách nhiệm, hỗ trợ nhau tham gia các hoạt động nhóm trong giờ học. | | |
| - Thường thức âm nhạc: Giới thiệu đàn Piano.  - Ôn tập bài hát: *Con đường học trò.* | ***\** Kiến thức:**  - Nêu được một số đặc điểm về cây đàn piano.  - Thuộc lời, đúng sắc thái bài hát *Con đường học trò.*  ***\** Năng lực:**  - Thuộc lời, đúng sắc thái bài hát, thể hiện bài hát *Con đường học trò* bằng các hình thức khác nhau.  - Cảm nhận được giai điệu, sắc thái của tác phẩm *Hungarian Sonata.*  - Nhận biết được âm thanh đặc trưng của đàn piano.  ***\** Phẩm chất:** Giáo dục học sinh tính chăm chỉ, ý thức trách nhiệm trong phối hơp làm việc nhóm và tình cảm nhân ái với thầy cô và bạn bè. | | |
| - Lí thuyết âm nhạc: Các thuộc tính cơ bản của âm thanh có tính nhạc.  - Đọc nhạc: Bài đọc nhạc số 1. | ***\** Kiến thức:**  - Nhận biết và phân biệt được các thuộc tính của âm thanh có tính nhạc.  - Đọc đúng cao độ, trường độ Bài đọc nhạc số 1.  ***\** Năng lực:**  - Biết đọc Bài đọc nhạc số 1 kết hợp với gõ đệm theo phách và đánh nhip 2/4.  - Cảm nhận và nhận biết được các thuộc tính cơ bản của âm thanh có tính nhạc.  ***\** Phẩm chất:** Giáo dục Hs có ý thức trách nhiệm, hỗ trợ nhau tham gia các hoạt động học tập. | | |
| - Vận dụng – Sáng tạo. | **\* Kiến thức:**  - Ôn lại kiến thức: Vận dụng, sáng tạo vào nội dung bài học.  **\* Năng lực:**  - Học sinh biết vận dụng các nội dung của chủ đề vào thể hiện các năng lực âm nhạc và các phẩm chất theo nội dung và yêu cầu của chủ đề.  - Chia sẻ cảm nhận khi học song chủ đề.  **\* Phẩm chất:** Giáo dục học sinh tính chăm chỉ, ý thức trách nhiệm và nhân ái với bạn bè trong các hoạt động học tập. | | |
| 2 | **CHỦ ĐỀ 2: CUỘC SỐNG TƯƠI ĐẸP** | | - Học hát bài: *Đời sống không già vì có chúng em.*  - Nghe nhạc: Tác phẩm *The Blue Danube* (*Sông Đa Nuýp Xanh*) | **4** | **\* Kiến thức:**  - Hát đúng giai điệu, lời ca, sắc thái bài hát Đời sống không già vì có chúng em.  **\* Năng lực:**  - Biết bộc lộ cảm xúc, vận động cơ thể với nhịp điệu của tác phẩm The Blue Danube trong khi nghe nhạc.  **-** Biết thể hiện bài hát bằng các hình thức khác nhau.  **-** Cảm nhận được đúng giai điệu, nội dung, sắc thái vui tươi, rộn ràng của bài hát Đời sống không già vì có chúng em.  **\* Phẩm chất:** Qua nội dung, giai điệu vui nhộn của bài hát Đời sống không già vì có chúng em, Hs cảm nhận vẻ đẹp của tuổi thần tiên với sự hồn nhiên, trong sáng. Từ đó, có thêm niềm tin, khát khao vươn đến cuộc sống tươi đẹp và hạnh phúc. | | |
| - Ôn bài hát: *Đời sống không già vì có chúng em***.**  - Nhạc cụ: Kèn phím. | **\* Kiến thức:**  - Thuộc lời, đúng sắc thái bài hát Đời sống không già vì có chúng em.  - Nhạc cụ giai điệu kèn phím: Nhớ được cấu tạo và thế bấm các nốt Đô, Rê, Mi, Pha, Son. Luyện tập bài luyện mẫu âm đúng cao độ, trường độ, đúng kĩ thuật.  **\* Năng lực:**  - Thuộc lời, đúng sắc thái bài hát, thể hiện bài hát Đời sống không già vì có chúng em bằng các hình thức khác nhau.  **\* Phẩm chất:**  - Thông qua nội dung bài học giáo dục Hs tình cảm nhân ái, yêu thương, có cảm xúc trước vẻ đẹp của hình tượng âm nhạc.  - Rèn luyện tính chăm chỉ và trách nhiệm trong luyện tập và chuẩn bị bài học. | | |
| - Lí thuyết âm nhạc: Kí hiệu âm bằng hệ thống chữ cái Latin.  - Vận dụng, sáng tạo  Ôn tập giữa kỳ I. | **\* Kiến thức:**  - HS nhận biết được các kí hiệu âm bằng hệ thống chữ cái Latin  **\* Năng lực:**  - Thể hiện các mẫu âm đúng cao độ, trường độ, đúng kĩ thuật. Biết điều chỉnh cường độ để thể hiện sắc thái.  - Nhận biết được các kí hiệu, biết vận dụng chữ cái Latin trong bản nhạc.  **\* Phẩm chất:**  - Rèn luyện tính chăm chỉ và trách nhiệm trong luyện tập và chuẩn bị bài học. | | |
| 3 |  | | **- Kiểm tra giữa kì I** | **1** | **1. Kiến thức, kĩ năng:**  a. Kiến thức:  - Học sinh thuộc lời bài hát và đọc chuẩn các bài tập đọc nhạc.  - Biểu diễn bài hát, bài đọc nhạc theo các hình thức khác nhau.  b. Kĩ năng  - Rèn cho học sinh kĩ năng hát và đọc các Bài đọc nhạc.  **2. Định hư­ớng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh:**  a. Các phẩm chất: Yêu gia đình, quê h­ương, đất nư­ớc, mái trường thầy cô.  b. Năng lực chung: Năng lực tự học, giải quyết vấn đề.  c. Năng lực chuyên biệt: Hiểu biết âm nhạc, thực hành âm nhạc, cảm thụ âm nhạc. | | |
| 4 | **CHỦ ĐỀ 3: NHỚ ƠN THẦY CÔ** | | - Học hát bài: *Thầy cô là tất cả.*  - Nghe nhạc: *Nhớ ơn thầy cô.* | **4** | **\* Kiến thức:**  - Hát đúng giai điệu, lời ca, sắc thái bài hát Thầy cô là tất cả.  - Nghe và cảm nhận giai điệu, nội dung, sắc thái bài hát Nhớ ơn thầy cô.  **\* Năng lực:**  - Thể hiện bài hát bằng các hình thức khác nhau.  - Biết biểu lộ cảm xúc khi nghe bài hát, thể hiện bài hát bằng các hình thức hát khác nhau.  **\* Phẩm chất:**  - Qua giai điệu lời ca của bàihátThầy cô là tất cả, Nhớ ơn thầy cô, Hs thêm yêu quý, trân trọng và biết ơn thầy cô. | | |
| - Lý thuyết âm nhạc: Nhịp 4/4.  - Đọc nhạc: Bài đọc nhạc số 2. | **\* Kiến thức:**  - Hs nắm được khái niệm, biết cách đánh nhịp 4/4.  - Đọc đúng cao độ, trường độ Bài đọc nhạc số 2.  **\* Năng lực:**  - Hiểu tính chất, sắc thái nhịp 4/4.  - Bài đọc nhạc số 2 kết hợp với gõ đệm theo phách và đánh nhịp 4/4.  **\* Phẩm chất:**  -Qua tiết học giáo dục HS tính chăm chỉ, ý thức trách nhiệm trong chuẩn bị bài học, nhân ái hợp tác trong làm việc nhóm với các bạn.  - Qua các nội dungbài học giáo dục học sinh tính chăm chỉ, ý thức trách nhiệm trong chuẩn bị bài học, nhân ái hợp tác trong làm việc nhóm. | | |
| - Thường thức âm nhạc: Giới thiệu hình thức hát bè.  - Ôn tập bài hát: *Thầy cô là tất cả.* | **\* Kiến thức:**  - Nhận biết được các hình thức hát bè.  - Thuộc lời, thể hiện đúng sắc thái bài hát Thầy cô là tất cả.  **\* Năng lực:**  - Thuộc lời, đúng sắc thái bài hát, thể hiện bài hát bằng các hình thức khác nhau.  - Biết vận dụng hát bè đơn giản.  - Nhận biết và bước đầu cảm nhận được hiệu ứng trong nghệ thuật hát bè  **\* Phẩm chất:**  **-** Giáo dục HS tính chăm chỉ và ý thức trách nhiệm trong các hoạt động học tập của cá nhân và phối hợp làm việc nhóm. | | |
| - Ôn Bài đọc nhạc số 2.  Vận dụng, Sáng tạo | **\* Kiến thức**  - Ôn lại kiến thức: Vận dụng, sáng tạo vào nội dung bài học.  - Đọc chính xác Bài đọc nhạc số 2 kết hợp đánh nhịp và gõ đệm.  **\* Năng lực:**  - Học sinh biết vận dụng các nội dung của chủ đề vào thể hiện các năng lực âm nhạc và các phẩm chất theo nội dung và yêu cầu của chủ đề.  - Chia sẻ cảm nhận khi học song chủ đề.  - Biết thể hiện sắc thái bài đọc nhạc kết hợp theo các hình thức.  **\* Phẩm chất:**  - Giáo dục học sinh tính chăm chỉ, ý thức trách nhiệm, nhân ái với bạn bè trong các hoạt động học tập. | | |
| 5 | **CHỦ ĐỀ 4: ƯỚC MƠ HOÀ BÌNH** | | - Học hát bài: *Những ước mơ*  - Nghe nhạc: Trích đoạn chương IV Giao hưởng số 9 của Ludwig van Beethoven. | **4** | **\* Kiến thức:**  - Hát đúng giai điệu, lời ca, sắc thái bài hát Những ước mơ.  - Nghe và cảm nhận âm điệu hùng tráng qua trích đoạn chương IV của bản giao hưởng số 9.  **\* Năng lực:**  **-** Biết bộc lộ cảm xúc và thể hiện bài hát bằng các hình thứckhác nhau.  **\* Phẩm chất:** Qua giai điệu lời ca của bàihátNhững ước mơ, Hs thêmyêu cuộc sống,hướng đến những điều tốt đẹp. Từ đó có ý thức, trách nhiệm bảo vệ và xây dựng quê hương, đất nước. | | |
| - Thường thức âm nhạc: Nhạc sĩ Văn Ký và tác phẩm *Bài ca hi vọng.*  - Ôn tập bài hát: *Những ước mơ.*  *-* Nhạc cụ: Kèn phím. | **\* Kiến thức:**  **-** Nêu được đôi nét về nhạc sĩ Văn Ký và cảm nhận tác phẩm Bài ca hi vọng.  - Thuộc lời, hát đúng giai điệu, thể hiện đúng sắc thái bài hát Những ước mơ.  **\* Năng lực:**  - Cảm nhận được tính chất, nội dung bài hát Những ước mơ, Bài ca hi vọng.  **\* Phẩm chất:** Qua bài họcHs thêm yêu cuộcsống, hướng đến những điều tốt đẹp, ý thức được trách nhiệm của bản thân với cộng đồng chung để có một thế giới hòa bình đầy tình thân ái.  - Qua nội dung tích hợp: Hs cảm nhận được nội dung bài hát, biết ơn những đóng góp, hi sinh của anh bộ đội cụ Hồ cho các em cuộc sống tốt đẹp như ngày hôm nay, các em phải cố gắng học tập để đền đáp công ơn của những người đi trước. | | |
| - Vận dụng, sáng tạo | **\* Kiến thức:**  **-** Vận dụng, sáng tạo vào nội dung bài học  - Luyện gam Đô trưởng.  - Luyện tập mẫu âm đúng kĩ thuật, đúng cao độ, trường độ.  **\* Năng lực:**  **-** Biết thể hiện nhạc cụ kèn phím ứng dụng vào trích đoạn bài TĐN.  **\* Phẩm chất:**  - Qua nội dung bài học giáo dục Hs rèn luyện tính chăm chỉ, kiên trì, luyện tập cá nhân. | | |
| - Ôn tập cuối kỳ I. | **\* Kiến thức:**  - Ôn lại kiến thức: Vận dụng, sáng tạo vào nội dung bài học.  **\* Năng lực:**  - Học sinh biết vận dụng các nội dung của chủ đề vào thể hiện các năng lực âm nhạc và các phẩm chất theo nội dung và yêu cầu của chủ đề.  - Chia sẻ cảm nhận khi học song chủ đề.  **\* Phẩm chất:**  - Giáo dục học sinh tính chăm chỉ, ý thức trách nhiệm, nhân ái với bạn bè trong các hoạt động học tập. | | |
| 6 |  | | **- Kiểm tra cuối kì I.** | **1** | **1. Kiến thức, kĩ năng:**  a. Kiến thức:  - Học sinh thuộc lời bài hát và đọc chuẩn các Bài đọc nhạc.  - Biểu diễn bài hát, bài đọc nhạc theo các hình thức khác nhau.  b. Kĩ năng  - Rèn cho học sinh kĩ năng hát và đọc các bài TĐN.  **2. Định hư­ớng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh:**  a. Các phẩm chất: Yêu gia đình, quê h­ương, đất nư­ớc, mái trường thầy cô.  b. Năng lực chung: Năng lực tự học, giải quyết vấn đề.  c. Năng lực chuyên biệt: Hiểu biết âm nhạc, thực hành âm nhạc, cảm thụ âm nhạc. | | |
| **Học kỳ II: 17 tiết/tuần** | | | | | | | |
| 7 | **CHỦ ĐỀ 5: GIAI ĐIỆU QUÊ HƯƠNG** | | - Học hát bài: *Mưa rơi.*  - Nghe nhạc: Nghe hoà tấu nhạc cụ dân tộc *Mừng hội hoa bông.* | **4** | **\* Kiến thức:**  - Hát đúng giai điệu, lời ca, sắc thái bài hát Mưa rơi.  - Nghe và cảm nhận giai điệu, sắc thái bài hát Mừng hội hoa bông.  **\* Năng lực:**  - Biết thể hiện bài bằng các hình thức khác nhau.  - Cảm nhận được nét giai điệu dân ca miền núi qua bài Mưa rơi.  - Biết thể hiện cảm xúc khi nghe giai điệu của bản hòa tấu nhạc cụ dân tộc. **\* Phẩm chất:**  - Qua nội dung của bài học, giáo dục Hs thêm yêu quê hương đất nước, yêu những làn điệu dân ca của Việt Nam. Từ đó có ý thức giữ gìn và phát huy các làn điệu dân ca trong đời sống.  - Qua nội dung tích hợp: Hs cảm nhận được nội dung bài hát, biết ơn những đóng góp, hi sinh của anh bộ đội cụ Hồ cho các em cuộc sống tốt đẹp như ngày hôm nay, các em phải cố gắng học tập rìn giữ quê hương, để đền đáp công ơn của những người đi trước. | | |
| - Đọc nhạc: Bài đọc nhạc số 3.  - Ôn tập bài hát: *Mưa rơi*. | **\* Kiến thức:**  - HS đọc đúng cao độ, trường độ, thể hiện đúng sắc thái tình cảm Bài đọc nhạc số 3.  - Thuộc lời, đúng sắc thái bài hát, thể hiện bài hát bằng các hình thức khác nhau.  **\* Năng lực**  - Thể hiện đúng tính chất dân ca của Bài đọc nhạc số 3.  - Biết thể hiện bài bằng các hình thức hát khác nhau.  **\* Phẩm chất:** Học sinh có ý thức, trách nhiệm, hỗ trợ nhau tham gia các hoạt động nhóm trong giờ học. | | |
| - Thường thức âm nhạc: Giới thiệu khèn và sáo trúc  - Ôn Bài đọc nhạc số 3. | **\* Kiến thức:**  - Nhận biết và nêu được một số đặc điểm của nhạc cụ dân tộc: Khèn và sáo trúc.  **\* Năng lực:**  - Biết thể hiện sắc thái bài đọc nhạc số 3 kết hợp theo các hình thức.  - Cảm nhận được âm sắc của 2 nhạc cụ dân tộc sáo trúc và khèn.  **\* Phẩm chất:**  **-** Hs thêm hiểu biết và yêu mến nhạc cụ dân tộc Việt Nam. Có ý thức giữ gìn, bảo tồn những giá trị mà cha ông đã lưu giữ biết bao đời.  - Học sinh có ý thức, trách nhiệm, hỗ trợ nhau tham gia các hoạt động nhóm trong giờ học. | | |
| - Vận dụng, sáng tạo. | **\* Kiến thức:**  - Ôn lại kiến thức: Vận dụng, sáng tạo vào nội dung bài học.  **\* Năng lực:**  - Học sinh biết vận dụng các nội dung của chủ đề vào thể hiện các năng lực âm nhạc và các phẩm chất theo nội dung và yêu cầu của chủ đề.  - Chia sẻ cảm nhận khi học song chủ đề.  **\* Phẩm chất:**  - Giáo dục học sinh tính chăm chỉ, ý thức trách nhiệm và nhân ái với bạn bè trong các hoạt động của bài học.  - Giáo dục HS ý thức trách nhiệm, chăm chỉ thông qua nội dung và các hoạt động học tập. | | |
| 8 | **CHỦ ĐỀ 6: MẸ TRONG TRÁI TIM EM** | | - Học hát bài: *Chỉ có một trên đời.*  - Thường thức âm nhạc: Giới thiệu nhạc sĩ Johannes Brahms và tác phẩm *Lullaby*. | **4** | **\* Kiến thức:**  - Hát đúng giai điệu, lời ca, sắc thái bài hát Chỉ có một trên đời.  - Nêu được đôi nét về nhạc sĩ Johannes Brahms và tác phẩm Lullaby.  **\* Năng lực:**  - Biết thể hiện bài hát bằng các hình thức hát khác nhau.  - Nghe và cảm nhận giai điệu, nội dung, sắc thái bài hát và bản nhạc Lullaby.  **\* Phẩm chất:** Qua giai điệu, lời ca của bài hát Chỉ có một trên đời, HS càng thêm yêu và kính trọng mẹ. Từ đó, có thêm lòng biết ơn hiếu thảo với cha mẹ thầy cô giáo, có thêm niềm tin, khát khao vươn đến cuộc sống tươi đẹp và hạnh phúc. | | |
|  | | - Lý thuyết âm nhạc: Giới thiệu cung và nửa cung.  - Đọc nhạc: Bài đọc nhạc số 4; Ôn tập Bài đọc nhạc số 4.  - Ôn tập bài hát: *Chỉ có một trên đời* | **\* Kiến thức:**  - Nhận biết được cung và nửa cung.  - Đọc đúng tên nốt, cao độ, trường độ Bài đọc nhạc số 4.  - Thuộc lời, thể hiện đúng sắc thái bài hát Chỉ có một trên đời.  **\* Năng lực:**  **-** Thuộc lời, đúng sắc thái bài hát, thể hiện bài hát bằng các hình thức khác nhau, thể hiện sắc thái bài đọc nhạc số 3 kết hợp theo các hình thức.  - Cảm nhận được đúng giai điệu, nội dung, sắc thái vui tươi, rộn ràng của bài.  **\* Phẩm chất:** Hs có ý thức, trách nhiệm, hỗ trợ nhau cùng tìm hiểu bài học, hoạt động ôn tập bài hát theo nhóm. Thêm yêu và dành tình cảm cho mẹ, giáo dục HS tình cảm nhân ái, yêu thương. | | |
|  | | - Nhạc cụ: Kèn phím hoặc Recorde.  - Vận dụng, sáng tạo – Ôn tậpgiữa kì II. | **\* Kiến thức:**  - Thực hành recorder hoặc kèn phím với các nội dung đã học.  - Ôn lại kiến thức: Vận dụng, sáng tạo vào nội dung bài học.  **\* Năng lực:**  - Học sinh biết vận dụng các nội dung của chủ đề vào thể hiện các năng lực âm nhạc và các phẩm chất theo nội dung và yêu cầu của chủ đề.  - Chia sẻ cảm nhận khi học song chủ đề.  **\* Phẩm chất:**  - Học sinh rèn luyện tính chăm chỉ và trách nhiệm trong luyện tập và chuẩn bị bài học. | | |
| 9 |  | | **Kiểm tra giữa kì II.** | **1** | **1. Kiến thức, kĩ năng:**  a. Kiến thức:  - Học sinh thuộc lời bài hát và đọc chuẩn các bài tập đọc nhạc.  - Biểu diễn bài hát, bài đọc nhạc theo các hình thức khác nhau.  b. Kĩ năng  - Rèn cho học sinh kĩ năng hát và đọc các Bài đọc nhạc.  **2. Định hư­ớng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh:**  a. Các phẩm chất: Yêu gia đình, quê h­ương, đất nư­ớc, mái trường thầy cô.  b. Năng lực chung: Năng lực tự học, giải quyết vấn đề.  c. Năng lực chuyên biệt: Hiểu biết âm nhạc, thực hành âm nhạc, cảm thụ âm nhạc. | | |
| 10 | **CHỦ ĐỀ 7: ÂM NHẠC NƯỚC NGOÀI** | | - Học hát bài: *Hãy để mặt trời luôn chiếu sáng.* | **4** | **\* Kiến thức:**  - Hát đúng giai điệu, lời ca, sắc thái bài hát Hãy để mặt trời luôn chiếu sáng.  **\* Năng lực:**  - Biết thể hiện bài hát bằng các hình thức khác nhau.  - Cảm nhận được giai điệu, nội dung, sắc thái của bài.  **\* Phẩm chất:**  - Giáo dục học sinh lòng nhân ái, tình cảm gắn bó, đoàn kết, biết chia sẻ yêu thương với mọi người và bạn bè trên thế giới. | | |
| - Nghe nhạc: Tác phẩm *Auld Lang Syne*  - Ôn tập bài hát: *Hãy để mặt trời luôn chiếu sáng.* | **\* Kiến thức:**  - Nghe và cảm nhận giai điệu nhịp nhàng, tha thiết của bài Auld lang Syne,  - Hs hát thuộc lời, thể hiện đúng sắc thái bài hát: Hãy để mặt trời luôn chiếu sáng.  **\* Năng lực:**  - Biết lắng nghe và biểu lộ cảm xúc khi nghe bài hát Hãy để mặt trời luôn chiếu sáng và tác phẩm Auld Lang Syne.  - Thuộc lời, đúng sắc thái bài hát, thể hiện bài hát bằng các hình thức khác nhau.  **\* Phẩm chất:** Qua nội dung của bài học, giáo dục HS lòng nhân ái, tinh thần trách nhiệm trong việc chuẩn bị bài và phối hợp với nhóm trong các hoạt động học tập. | | |
| - Lý thuyết âm nhạc: Các bậc chuyển hoá, dấu hoá.  - Đọc nhạc: Bài đọc nhạc số 5; | **\* Kiến thức:**  - Hiểu được tác dụng của dấu hóa biểu và bậc chuyển hóa.  - Đọc đúng cao độ, trường độ Bài đọc nhạc số 5.  **\* Năng lực:**  - Cảm nhận được tính chất nhịp nhàng của nhịp ¾, ứng dụng đánh nhịp, thể hiện sắc thái bài đọc nhạc số 4 kết hợp theo các hình thức.  **\* Phẩm chất:**  - Rèn luyện tính chăm chỉ, trách nhiệm trong việc tự học và tham gia các hoạt động học tập. | | |
| - Vận dụng, sáng tạo.  Ôn tập | **\* Kiến thức:**  - Ôn lại kiến thức: Vận dụng, sáng tạo vào nội dung bài học.  **\* Năng lực**  - Học sinh biết vận dụng các nội dung của chủ đề vào thể hiện các năng lực âm nhạc và các phẩm chất theo nội dung và yêu cầu của chủ đề.  - Chia sẻ cảm nhận khi học song chủ đề.  **\* Phẩm chất:**  - Giáo dục học sinh tính chăm chỉ, ý thức trách nhiệm và nhân ái với bạn bè trong các hoạt động của bài học | | |
| 11 | **CHỦ ĐỀ 8: BÁC HỒ VỚI THIẾU NHI** | | - Học hát bài: *Bác Hồ - Người cho em tất cả.*  - Nghe nhạc: *Việt Nam quê hương tôi.* | **4** | **\* Kiến thức:**  - Hát đúng giai điệu, lời ca, sắc thái bài hát Bác Hồ người cho em tất cả.  - Nghe và cảm nhận giai điệu, sắc thái, nội dung bài hát Việt Nam quê hương tôi.  **\* Năng lực:**  **-** Biết thể hiện bài hát bằng các hình thức khác nhau.  - Biết biểu lộ cảm xúc khi nghe bài hát Bác Hồ người cho em tất cả và bài hát Việt Nam quê hương tôi.  **\* Phẩm chất:**  - Giáo dục học sinh luôn kính trọng biết ơn Bác Hồ. Từ đó có ý thức học tập và làm việc theo tấm gương đạo đước của Bác, luôn có trách nhiệm bảo vệ và xây dựng quê hương, đất nước.  - Qua nội dung tích hợp: Hs cảm nhận được nội dung bài hát, biết ơn những đóng góp, hi sinh của anh bộ đội cụ Hồ thông qua bài hát Làng tôi, các em phải cố gắng học tập rìn giữ quê hương, để đền đáp công ơn của những người đi trước. | | |
| - Thường thức âm nhạc: Bài hát *Như có bác trong ngày đại thắng.*  - Ôn bài hát: *Bác Hồ - Người cho em tất cả.* | **\* Kiến thức:**  **-** Nêu được đôi nét về bài hát Như có bác trong ngày đại thắng.  **\* Năng lực:**  **-** Cảm nhận được giai điệu, nội dung, sắc thái của bài hát Như có Bác trong ngày đại thắng (30/4/1975 ), sáng tác của nhạc sĩ Phạm Tuyên.  - Thuộc lời, đúng sắc thái bài hát, thể hiện bài hát bằng các hình thức khác nhau.  **\* Phẩm chất:**  - Giáo dục học sinh luôn kính trọng biết ơn Bác Hồ. Từ đó có ý thức học tập và làm việc theo tấm gương đạo đước của Bác, luôn có trách nhiệm bảo vệ và xây dựng quê hương, đất nước.  - Qua nội dung tích hợp: Hs cảm nhận được nội dung bài hát, biết ơn những đóng góp, hi sinh của anh Anh ba Hưng; Bế Văn đàn giúp các em học tập thật tốt để đền áp công ơn cảu những người đi trước. | | |
| - Nhạc cụ: Kèn phím. | **\* Kiến thức:**  - Thực hiện được âm mẫu.  **\* Năng lực:**  **-** Biết ứng dụng đệm trích đoạn cho bài hát Như có bác trong ngày đại thắng.  **\* Phẩm chất:**  - Giáo dục học sinh luôn kính trọng biết ơn Bác Hồ. Từ đó có ý thức học tập và làm việc theo tấm gương đạo đước của Bác, luôn có trách nhiệm bảo vệ và xây dựng quê hương, đất nước.  - Qua nội dung bài học giáo dục học sinh rèn luyện tính chăm chỉ, kiên trì, luyện tập cá nhân. | | |
| - Vận dụng, sáng tạo.  - Ôn tập cuối kỳ II. | **\* Kiến thức:**  - Ôn lại kiến thức: Vận dụng, sáng tạo vào nội dung bài học.  **\* Năng lực:**  - Học sinh biết vận dụng các nội dung của chủ đề vào thể hiện các năng lực âm nhạc và các phẩm chất theo nội dung và yêu cầu của chủ đề.  - Nêu được cảm nhận khi học song chủ đề.  **\* Phẩm chất:**  - Giáo dục học sinh luôn kính trọng biết ơn Bác Hồ. Từ đó có ý thức học tập và làm việc theo tấm gương đạo đước của Bác, luôn có trách nhiệm bảo vệ và xây dựng quê hương, đất nước.  - Qua nội dung bài học giáo dục học sinh rèn luyện tính chăm chỉ, kiên trì, luyện tập cá nhân. | | |
| 13 |  | | **Kiểm tra cuối kì II** | **1** | **1. Kiến thức, kĩ năng:**  a. Kiến thức:  - Học sinh thuộc lời bài hát và đọc chuẩn các bài tập đọc nhạc.  - Biểu diễn bài hát, bài đọc nhạc theo các hình thức khác nhau.  b. Kĩ năng  - Rèn cho học sinh kĩ năng hát và đọc các bài TĐN.  **2. Định hư­ớng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh:**  a. Các phẩm chất: Yêu gia đình, quê h­ương, đất nư­ớc, mái trường thầy cô.  b. Năng lực chung: Năng lực tự học, giải quyết vấn đề.  c. Năng lực chuyên biệt: Hiểu biết âm nhạc, thực hành âm nhạc, cảm thụ âm nhạc. | | |
|  | | |  | | | |  |

**b. Phân phối môn Âm nhạc 7**

**1. Phân phối chương trình**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **TUẦN/ TIẾT** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** |
| **HỌC KÌ I** | | |
| 1 | ***Tiết 1***  Học hát bài: *Khai trường* | Hát đúng giai điệu bài, lời ca bài hát *Khai trường.* Biết thể hiện bài hát bằng hình thức: Hát nối tiếp, hoà giọng; hát kết hợp vận động phụ họa. |
| 2 | * ***Tiết 2*** Lí thuyết âm nhạc: Nhịp lấy đà * Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 1* | * Nhận biết và thể hiện được nhịp lấy đà. Vận dụng vào *Bài đọc nhạc số 1*. * Đọc đúng cao độ, trường độ *Bài đọc nhạc số 1*. |
| 3 | ***Tiết 3***  **-** Thường thức âm nhạc: Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn và bài hát *Tuổi đời mênh mông*  ***-*** Ôn bài hát *Khai trường*   * Ôn *bài đọc nhạc số 1* | * Nêu được đôi nét về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Cảm nhận được tính chất âm nhạc, nội dung bài hát *Tuổi đời mênh mông.* * Ôn bài hát *Khai trường* theo hình thức đã học. * Ôn *Bài đọc nhạc số 1* kết hợp gõ đệm, đánh nhịp 4/4. |
| 4 | ***Tiết 4:*** Vận dụng – Sáng tạo | * Từ nét giai điệu của *Bài đọc nhạc số 1*, HS ứng dụng đọc 2 nét nhạc khác nhau. * HS chia sẻ và thể hiện bài hát có nhịp lấy đà do nhóm sưu tầm. * Biểu diễn bài hát *Khai trường* bằng các hình thức đã học hoặc biết sáng tạo thêm các cách thể hiện khác. * Nêu cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| 5 | ***Tiết 5:***   * Học hát bài: *Vì cuộc sống tươi đẹp* * Nghe nhạc: Tác phẩm *Alouette (Tiếng chim sơn ca)* | * Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát *Vì cuộc sống tươi đẹp*. Biết thể hiện bài hát bằng các hình thức: Hát nối tiếp, hoà giọng. * Nghe và biểu lộ cảm xúc; biết vận động cơ thể hoặc gõ đệm phù hợp với nhịp điệu; cảm nhận giai điệu, sắc thái tác phẩm *Alouette (Tiếng chim sơn ca)* |
| 6 | ***Tiết 6***  ***-*** Nhạc cụ: kèn phím | * Ôn lại kiến thức về nhạc cụ giai điệu đã học ở lớp 6. * Thể hiện kèn phím đúng cao độ, trường độ, kĩ thuật bài *Bài hát Ireland*. |
| 7 | ***Tiết 7***  - Thường thức âm nhạc: Nhạc sĩ Hoàng Việt và bài hát *Nhạc rừng*  - Ôn bài hát: *Vì cuộc sống tươi đẹp* | * Nêu được đôi nét về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của nhạc sĩ Hoàng Việt. Cảm nhận được tính chất âm nhạc, nội dung của bài hát *Nhạc rừng*. * Ôn luyện bài hát *Vì cuộc sống tươi đẹp* kết hợp nhạc cụ gõ đệm. |
| 8 | ***Tiết 8***  Vận dụng – Sáng tạo  Ôn tập | * HS biết đọc lời và gõ đệm theo âm hình tiết tấu SGK trang 20. * Biểu diễn bài hát *Vì cuộc sống tươi đẹp* với các hình thức khác nhau. * Giới thiệu tranh vẽ hoặc các sản phẩm đã làm về đề tài *Bảo vệ môi trường*. * Nêu cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| 9 | * ***Tiết 9:*** **- KIỂM TRA GIỮA KÌ I** * GV tổ chức cho cá nhân, nhóm lựa chọn các nội dung Hát, Đọc nhạc, Nhạc cụ của chủ đề 1 và 2 phù hợp với năng lực để tham gia ôn tập và kiểm tra giữa kì. | |
| 10 | ***Tiết 10:*** Học hát bài: *Nhớ ơn thầy cô* | Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát *Nhớ ơn thầy cô.* Biết thể hiện bài hát bằng các hình thức: Lĩnh xướng, hoà giọng; hát kếthợp vỗ tay hoặc gõ đệm theo âm hình tiết tấu. |
| 11 | ***Tiết 11***   * Lí thuyết âm nhạc: Dấu nhắc lại, dấu quay lại, khung thay đổi. * Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 2* | * Nhận biết và thể hiện được một số kí hiệu âm nhạc: dấu nhắc lại, dấu quay lại, khung thay đổi. * Đọc đúng cao độ, trường độ *Bài đọc nhạc số 2*. Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm theo phách; đọc nhạc theo cách nhắc lại và nối tiếp trong SGK trang 25 mục b. |
| 12 | * ***Tiết 12:*** Thường thức âm nhạc: Giới thiệu một số thể loại ca khúc * Ôn bài hát: *Nhớ ơn thầy cô* * Ôn *bài đọc nhạc số 2* | * Nhận biết và nêu được đặc điểm một số thể loại ca khúc. Vận dụng vào các hoạt động âm nhạc. * Ôn luyện *Bài đọc nhạc số 2* kết hợp các hình thức đã học. * Ôn luyện bài hát ở hình thức biểu diễn cá nhân, nhóm. |
| 13 | ***Tiết 13***  Vận dụng – Sáng tạo | * Đọc lại *Bài đọc nhạc số 2*, ghép lời ca và kết hợp đánh nhịp 2/4. * Biểu diễn một số bài hát về thầy cô và mái trường đã sưu tầm và luyện tập. * Chép hoàn chỉnh lại *Bài đọc nhạc số 2.* * Nêu cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| 14 | ***Tiết 14:*** Học hát bài: *Lí kéo chài*   * Đọc nhạc: Bài đọc nhạc số 3 – *Inh lả ơi.* | Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát *Lí kéo chài.* Biết thể hiện bài hát bằng các hình thức: Hát xướng - xô; hát kết hợp vận động phụ họa theo nhịp điệu.  Đọc đúng cao độ, trường độ; Biết kết hợp gõ đệm theo phách và ghép được lời ca Bài đọc nhạc số 3 – *Inh lả ơi.* |
| 15 | ***Tiết 15:***   * Nhạc cụ: kèn phím   ***-*** Thường thức âm nhạc: Dân ca một số vùng miền Việt Nam   * Ôn bài đọc nhạc số 3 – *Inh lả ơi.* | * Thực hành thế bấm và ứng dụng luyện tập Bài đọc nhạc số 3 – *Inh lả ơi*. * Nhận biết và nêu được đặc điểm dân ca một số vùng miền của Việt Nam. Vận dụng vào các hoạt động âm nhạc. * Luyện đọc nhạc kết hợp các hình thức đã học và vận động. |
| 16 | ***Tiết 16:***  Vận dụng sáng tạo | * Đọc *Bài đọc nhạc số 3* kết hợp nhạc cụ gõ hoặc vận động cơ thể theo âm hình tiết tấu trong SGK trang 36 * Biểu diễn bài hát *Lí kéo chài* bằng các hình thức đã học hoặc theo ý tưởng mới của cá nhân/nhóm. * Giới thiệu hoặc hát một bài dân ca đã sưu tầm. * Nêu cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| 17 | ***Tiết 17:***  Ôn tập kì 1 | * Đọc *Bài đọc nhạc số 1,2,3* kết hợp nhạc cụ gõ hoặc vận động cơ thể theo âm hình tiết tấu trong SGK * Biểu diễn bài hát *Lí kéo chài, Khai trường, Nhớ ơn thầy cô, Vì cuộc sống tươi đẹp* bằng các hình thức đã học hoặc theo ý tưởng mới của cá nhân/nhóm. * Nêu cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| 18 | ***Tiết 18:***  **KIỂM TRA CUỐI KÌ I**  **Lựa chọn 1 trong 3 nội dung để ôn tập, đánh giá cuối kỳ I**   * Biểu diễn bài hát bằng các hình thức đã học. * Đọc bài đọc nhạc kết hợp gõ đệm, đánh nhịp.   Thực hành một trong các bài tập nhạc cụ thể hiện tiết tấu hoặc bài tập nhạc cụ thể hiện giai điệu đã học . | |
| **HỌC KÌ II** | | |
| 19 | ***Tiết 19:***   * Học hát bài: *Mùa xuân ơi* * Nghe nhạc: Bài hát *Sông Đakrông mùa xuân về* | * Hát đúng giai điệu, lời ca bài *Mùa xuân ơi.* Biết thể hiện bài hát bằng hình thức: Hát nối tiếp, hoà giọng. * Nghe và cảm nhận giai điệu, nội dung bài hát *Sông Đakrông mùa xuân về.*  Kết hợp vận động 1 vài động tác nhảy múa mang âm hưởng Tây Nguyên. |
| 20 | ***Tiết 20***   * Thường thức âm nhạc: Giới thiệu cồng chiêng, đàn t’rưng của Tây Nguyên. * Ôn bài hát: *Mùa xuân ơi*. | * Nhận biết và nêu được một số đặc điểm về nhạc cụ cồng chiêng, đàn t’rưng của Tây Nguyên. * Ôn bài hát bằng các hình thức đã học, tập hát 2 bè đơn giản. Luyện tập bài hát *Mùa xuân ơi* và nhảy múa theo bài hát *Sông Đakrông mùa xuân về* trên nền nhạc phối khí theo hình thức liên khúc. |
| 21 | ***Tiết 21:***  - Lí thuyết âm nhạc: Các kí hiệu tăng trường độ.  - Đọc nhạc: Bài đọc nhạc số 4 – *Mùa xuân trong rừng* | * Nhận biết và thể hiện đươc một số kí hiệu âm nhạc: Dấu nối, dấu chấm dôi, dấu miễn nhịp và ứng dụng vào các bài hát, bài đọc nhạc đã học. * Đọc đúng cao độ, trường độ; Biết kết hợp gõ đệm theo phách và ghép được lời ca Bài đọc nhạc số 4 – *Mùa xuân trong rừng.* |
| 22 | ***Tiết 22:***  Vận dụng – Sáng tạo | * Vận dụng các hoạt động trong nội dung Hát, Đọc nhạc, Nghe nhạc đã học để tham gia biểu diễn chương trình văn nghệ:   **Liên khúc *Nhịp điệu mùa xuân – Chào đón năm mới***   * Nêu cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| 23 | ***Tiết 23:*** Học hát bài: *Santa Lucia*   * Lí thuyết âm nhạc: Một số kí hiệu, thuật ngữ về nhịp độ và sắc thái cường độ. | *-* Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát *Santa Lucia*. Biết thể hiện bài hát bằng hình thức: Nối tiếp, lĩnh xướng.  Nhận biết và thể hiện đươc một số kí hiệu, thuật ngữ về nhịp độ, sắc thái cường độ để vận dụng vào bài hát *Santa Lucia* tiết 25. |
| 24 | ***Tiết 24***   * Nhạc cụ: kèn phím * Thường thức âm nhạc: Giới thiệu đàn cello và contrabass * Ôn bài hát: *Santa Lucia* | * Luyện tập kĩ thuật luyến âm và bài luyện tập *Cầu trượt.* * Nhận biết và nêu được một số đặc điểm về đàn cello, contrabass. * Ôn bài hát với các hình thức đã học; kết hợp nhạc cụ gõ đệm. |
| 25 | ***Tiết 25***  Vận dụng sáng tạo  Ôn tập kiểm tra giữa kì | * HS biết đọc lời và gõ đệm theo âm hình tiết tấu SGK * Biểu diễn bài hát *Mùa xuân ơi, Santalucia* với các hình thức khác nhau. |
| 26 | ***Tiết 26:* KIỂM TRA GIỮA KÌ II**  GV tổ chức cho cá nhân, nhóm lựa chọn các nội dung Hát, Đọc nhạc, Nhạc cụ của chủ đề 5 và 6 phù hợp với năng lực để tham gia ôn tập và kiểm tra giữa kì. | |
| 27 | ***Tiết 27***  - Học hát bài: *Đời cho em những nốt nhạc vui* | - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát *Đời cho em những nốt nhạc vui*.  - Biết p thể hiện bài hát bằng hình thức: Nối tiếp, hoà giọng; Hát kết hợp gõ đệm hoặc vận động cơ thể theo âm hình tiết tấu. |
| 28 | ***Tiết 28***   * Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 5* * Ôn bài hát *Đời cho em những nốt nhạc vui* | * Đọc đúng cao độ, trường độ Bài đọc nhạc số 5 kết hợp gõ đệm và đánh nhịp 2/4. * Ôn luyện bài hát ở hình thức biểu diễn cá nhân, nhóm. |
| 29 | ***Tiết 29***  - Thường thức âm nhạc: Nhạc sĩ Pyotr Ilyich TchaikovskyTchaikovsky và  khúc nhạc Chèo thuyền.  - Ôn Bài đọc nhạc số 5 | * Nêu được đôi nét về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của nhạc sĩ Tchaikovsky. Cảm nhận được tính chất âm nhạc của khúc nhạc *Chèo thuyền.* * Ôn bài đọc nhạc theo các hình thức đã học. |
| 30 | ***Tiết 30 :*** Vận dụng – Sáng tạo | * Vận dụng nội dung Lí thuyết âm nhạc, Hát để tham gia trò chơi âm nhạc rèn phản xạ mỗi cá nhân. * Ứng dụng luyện tập *Bài đọc nhạc số 5* có 2 bè đơn giản. * Chia sẻ một số tác phẩm của nhạc sĩ Tchaikovsky đã sưu tầm. * Nêu cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| 31 | ***Tiết 31***   * Học bài hát: *Mưa hè* * Nghe nhạc: Bài hát *Hè về* | * Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát *Mưa hè.* Biết thể hiện bài hát với hình thức: Hát nối tiếp, hoà giọng. * Nghe và cảm nhận giai điệu, sắc thái, nội dung bài hát *Hè về.* |
| 32 | ***Tiết 32***   * Nhạc cụ; kèn phím. * Ôn bài hát: *Mưa hè* | * Luyện mẫu âm. Thực hành đệm cho bài *Mưa hè*. * Ôn bài hát kết hợp nhạc cụ gõ đệm. |
| 33 | -Vận dụng – Sáng tạo | * Biểu diễn bài hát *Mưa hè* với các hình thức, ý tưởng trình bày khác nhau. * Vận dụng các bài hát về chủ đề mùa hè để tham gia trò chơi âm nhạc *Khúc ca hè về.* * Chia sẻ những mong muốn, dự định của em trong mùa hè với thầy cô, bạn bè hoặc người thân.   Nêu cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| 34 | Tiết 34:  Ôn tập | * Biểu diễn bài hát *Mưa hè, Mùa xuân ơi, Santalucia, Đời cho em những nốt nhạc vui* với các hình thức, ý tưởng trình bày khác nhau. * Chia sẻ những mong muốn, dự định của em trong mùa hè với thầy cô, bạn bè hoặc người thân. |
| 35 | ***Tiết 35***  **KIỂM TRA CUỐI KÌ II**  Lựa chọn 1 trong 3 nội dung để ôn tập, đánh giá cuối kỳ II  Biểu diễn bài hát bằng các hình thức đã học.  Đọc bài đọc nhạc kết hợp gõ đệm, đánh nhịp.  Thực hành một trong các bài tập nhạc cụ thể hiện tiết tấu hoặc bài tập nhạc cụ thể hiện giai điệu đã học | |

**2. Kiểm tra, đánh giá định kì**

**a. Kiểm tra, đánh giá kì I**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức** |
| Đánh giá  thường xuyên | Trong các tiết học | | Phù hợp với yêu cầu cần đạt của nội dung sgk và chương trình nội dung âm nhạc | Vấn đáp, thực hành |
| Giữa học kì I | 1 tiết | Tuần 8 | ***GV tổ chức cho cá nhân, nhóm lựa chọn các nội dung Hát, Đọc nhạc, Nhạc cụ của chủ đề 1 và 2 phù hợp với năng lực để tham gia ôn tập và kiểm tra giữa kì.***   * Trình bày 1 trong 2 bài hát *Khai trường, Vì cuộc sống tươi đẹp* theo hình thức tự chọn. * Trình bày Bài đọc nhạc số 1 với các hình thức đã học. * Trình bày một trong các bài tập tiết tấu hoặc bài tập giai điệu đã học theo hình thức cá nhân/nhóm. | Thực hành |
| Cuối học kì I | 1 tiết | Tuần 18 | ***Lựa chọn 1 trong 3 nội dung để ôn tập, đánh giá cuối kì I***   * Trình bày 1 trong 2 bài hát: *Nhớ ơn thầy cô, Lí kéo chài* theo hình thức tự chọn. * Trình bày bài đọc nhạc: Bài đọc nhạc số 2, Trình bày một trong các bài tập tiết tấu hoặc bài tập giai điệu đã học theo hình thức cá nhân/nhóm. | Thực hành |

**b. Kiểm tra, đánh giá kì II**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức** |
| Đánh giá  thường xuyên | Trong các tiết học | | Phù hợp với yêu cầu cần đạt của nội dung sgk và chương trình nội dung âm nhạc | Vấn đáp, thực hành |
| Giữa học kì II | 1 tiết | Tuần 26 | ***GV tổ chức cho cá nhân, nhóm lựa chọn các nội dung Hát, Đọc nhạc, Nhạc cụ của chủ đề 5 và 6 phù hợp với năng lực để tham gia ôn tập và kiểm tra giữa kì.***   * Trình bày 1 trong 2 bài hát  *Mùa xuân ơi, Stanta Lucia* theo hình thức tự chọn. * Trình bày Bài đọc nhạc số 4.   -Trình bày một trong các bài tập tiết tấu hoặc bài tập giai điệu đã học theo hình thức cá nhân/nhóm. | Thực hành |
| Cuối học kì II | 1 tiết | Tuần 35 | ***Lựa chọn 1 trong 3 nội dung để ôn tập, đánh giá cuối kì I***   * Trình bày 1 trong 2 bài hát: *Đời cho em những nốt nhạc vui, Mưa hè* theo hình thức tự chọn. * Trình bày Bài đọc nhạc số 4 hoặc Bài đọc nhạc số 5.   Trình bày một trong các bài tập tiết tấu hoặc bài tập giai điệu đã học theo hình thức cá nhân/nhóm. | Thực hành |

**c. Phân phối môn Âm nhạc 8**

**1. Phân phối chương trình Âm nhạc 8 *(Cả năm: 35 tiết; Học kỳ I: 18 tiết; Học kỳ II: 17 tiết)***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài/ Chủ đề** | | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **Học kỳ I: 18 tiết/tuần** | | | | |
| 1 | **CHỦ ĐỀ 1: CHÀO NĂM HỌC MỚI** | *-* Hát: Bài hát *Chào năm học mới.*  *-* Nghe nhạc: Bài hát *Bay lên nhé nụ cười.* | **4** | **\* Kiến thức:**  - Hát đúng cao độ, trường độ, lời ca, sắc thái bài hát *Chào năm học mới.*  *-*  Nhận biết được câu, đoạn nhạc trong bài hát.  - Nhớ tên bài hát, tên tác giả và nội dung bài hát.  **\* Năng lực:**  **-** Cảm nhận được vẻ đẹp, biểu lộ cảm xúc khi nghe bài hát *Bay lên nhé nụ cười.*  **-** Thể hiện đúng sắc thái bài hát bằng các hình thức khác nhau.  - Cảm nhận được giai điệu và nhịp điệu vui tươi, trẻ trung của bài hát *Bay lên nhé nụ cười.*  **\* Phẩm chất:**Qua giai điệu bài hát *Chào năm học mới, Bay lên nhé nụ cười* Hs cảm nhận được mái trường là nơi có tình thầy trò, tình bạn, tri thức và hoài bão. Từ đó Hs ý thức được việc học tập của bản thân. Học để ngày mai lập nghiệp. |
| *-* Lí thuyết âm nhạc: Gam trưởng, giọng trưởng, giọng Đô trưởng.  *-* Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 1.* | **\* Kiến thức:**  ***-*** Nêu được đặc điểm của giọng Đô trưởng.  ***-*** Đọc đúng tên nốt nhạc, cao độ, trường độ Bài đọc nhạc số 1.  **\* Năng lực:**  - Nhận biết được một số bản nhạc viết ở giọng C dur. Thể hiện đúng tính chất giọng trưởng; biết kết hợp gõ đệm, đánh nhịp.  - Thể hiện đúng tính chất của giọng C dur.  **\* Phẩm chất:** Giáo dục Hs ý thức chăm chỉ chuẩn bị bài, phát huy tinh thần đoàn kết, lắng nghe khi làm việc nhóm, tinh thần tự giác chủ động trong học tập. |
| *-* Ôn bài hát: *Chào năm học mới.*  - Ôn bài đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 1.* | **\* Kiến thức:**  - Hoàn thiện bài hát *Chào năm học mới* bằng các hình thức đã học.  - Đọc đúng tên nốt, cao độ, trường độ phần bè của *Bài đọc nhạc số 1.*  **\* Năng lực:**  - Cảm nhận và thể hiện cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc vui tươi, rộn ràng của bài hát *Chào năm học mới.*  - Thuộc lời, đúng sắc thái bài hát, thể hiện bài hát bằng các hình thức khác nhau.  - Thể hiện sắc thái bài đọc nhạc số 1 kết hợp theo các hình thức.  **\* Phẩm chất:** Giáo dục Hs có ý thức chăm chỉ luyện tập, tinh thần trách nhiệm, hỗ trợ bạn và nhóm khác cùng hoàn thành mục tiêu bài học. |
| - Vận dụng - Sáng tạo. | **\* Kiến thức:**  - Ôn lại kiến thức: Vận dụng, sáng tạo vào nội dung bài học.  **\* Năng lực:**  - Học sinh biết vận dụng các nội dung của chủ đề vào thể hiện các năng lực âm nhạc và các phẩm chất theo nội dung và yêu cầu của chủ đề.  - Chia sẻ cảm nhận khi học song chủ đề.  **\* Phẩm chất:** Hs có ý thức, trách nhiệm, hỗ trợ nhau tham gia các hoạt động trong giờ học. |
| 2 | **CHỦ ĐỀ 2: TÔI YÊU VIỆT NAM** | *-* Hát: Bài hát *Việt Nam ơi.*  *-* Nghe nhạc: Bài hát *Ngàn ước mơ Việt Nam.* | **4** | **\* Kiến thức:**  ***-*** Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái và lời ca bài hát *Việt Nam ơi.*  *-*  Nhận biết được câu, đoạn nhạc trong bài hát.  - Nhớ tên bài hát, tên tác giả và nội dung bài hát.  **\* Năng lực:**  - Thể hiện bài hát bằng các hình thức khác nhau. Cảm nhận được giai điệu và nhịp điệu vui tươi, tự hào của bài hát *Việt Nam ơi.*  - Nghe và biểu lộ cảm xúc khi nghe bài hát *Ngàn ước mơ Việt Nam.*  **\* Phẩm chất:** Qua giai điệu lời ca của bài hát *Việt Nam ơi* Hs thêm yêu quê hương đất nước, lòng tự hào dân tộc, tinh đoàn kết, cùng chung tay xây dựng một Việt Nam ngày càng giàu mạnh. |
|  | *-* Thường thức âm nhạc:Dân ca Quan họ Bắc Ninh.  *-* Ôn bài hát: *Việt Nam ơi.* | **\* Kiến thức:**  ***-*** Nhận biết và nếu được một số đặc điểm Dân ca Quan họ Bắc Ninh  **\* Năng lực:**  - Cảm nhận được tính chất âm nhạc bài *Khách đến chơi nhà.* Giới thiệu được di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại Dân ca Quan họ Bắc Ninh.  - Thuộc lời, đúng sắc thái bài hát, thể hiện bài hát bằng các hình thức khác nhau.  **\* Phẩm chất:** Giáo dục Hs biết yêu quê hương đất nước, trân trọng và gìn giữ bản sắc dân tộc, chia sẻ những hiểu biết với người thân và cộng đống sau khi học về Dân ca Quan họ Bắc Ninh. |
|  | - Nhạc cụ: Kèn phím. | **\* Kiến thức:**  - Thể hiện được giai điệu bài *Xòe hoa*. Thể hiện được thế bấm và bài luyện tập đúng cao độ, trường độ, kĩ thuật của kèn phím.  **\* Năng lực:**  - Thực hành được bài luyện tập đúng cao độ, trường độ, đúng kĩ thuật.  - Biết điều chỉnh cường độ nhạc cụ để thể hiện sắc thái khi giai điệu vang lên.  **\* Phẩm chất:** Sau khi luyện song bài Xòe hoa HS yêu thích luyện tập nhừng làn điệu dân ca trên kèn phím. |
|  | - Vận dụng - Sáng tạo.  - Ôn tập giữa học kỳ I. | **\* Kiến thức:**  - Ôn lại kiến thức: Vận dụng, sáng tạo vào nội dung bài học.  **\* Năng lực:**  - Học sinh biết vận dụng các nội dung của chủ đề vào thể hiện các năng lực âm nhạc và các phẩm chất theo nội dung và yêu cầu của chủ đề.  - Chia sẻ cảm nhận khi học song chủ đề.  **\* Phẩm chất:** Hs có ý thức, trách nhiệm, hỗ trợ nhau tham gia các hoạt động trong giờ học. |
| *3* |  | **Kiểm tra giữa kì I.** | **1** | **1. Kiến thức, kĩ năng:**  *a. Kiến thức:*  - Học sinh thuộc lời bài hát và đọc chuẩn các bài tập đọc nhạc.  - Biểu diễn bài hát, bài đọc nhạc theo các hình thức khác nhau.  *b. Kĩ năng*  - Rèn cho học sinh kĩ năng hát và đọc các Bài đọc nhạc.  **2. Định hư­ớng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh:**  *a. Các phẩm chất:* Yêu gia đình, quê h­ương, đất nư­ớc, mái trường thầy cô.  *b. Năng lực chung:* Năng lực tự học, giải quyết vấn đề.  *c. Năng lực chuyên biệt:* Hiểu biết âm nhạc*,* thực hành âm nhạc, cảm thụ âm nhạc. |
| 4 | **CHỦ ĐỀ 3: HOÀ CA** | *-* Hát: Hát hai bè trích đoạn bài *Ngàn ước* mơ *Việt Nam,* liên khúc *Tôi yêu Việt Nam.* | **4** | **\* Kiến thức:**  - Hát đúng cao độ, trường độ, lời ca, sắc thái bài hát *Ngàn ước* mơ *Việt Nam,* liên khúc *Tôi yêu Việt Nam.*  *-*  Nhận biết được câu, đoạn nhạc trong bài hát.  - Nhớ tên bài hát, tên tác giả và nội dung bài hát.  **\* Năng lực:**  **-** Cảm nhận được giai điệu và nhịp điệu vui tươi, tự hào của bài hát  *Ngàn ước* mơ *Việt Nam.*  - Biết thể hiện được liên khúc *Tôi yêu Việt Nam* với hình thức đồng ca.  **\* Phẩm chất:** Qua giai điệu bài hát Hs thêm yêu quê hương, đất nước, biết sống yêu thương, chia sẻ, có khát vọng xây dựng đất nước ngày càng tươi đẹp. |
| - Thường thức âm nhạc: Hợp xướng.  - Ôn hát liên khúc: *Tôi yêu Việt Nam.* | **\* Kiến thức:**  - Nêu được một số đặc điểm của hợp xướng.  - Hoàn thiện hát liên khúc *Tôi yêu Việt Nam.*  **\* Năng lực:**  - Biết phân biệt được hát hợp xướng và các hình thức ca hát khác.  - Thuộc lời, đúng sắc thái bài hát, thể hiện bài hát bằng các hình thức khác nhau.  **\* Phẩm chất:**Giáo dục Hs tính chăm chỉ, ý thức trách nhiệm trong chuẩn bị bài, nhân ái và hợp tác trong làm việc nhóm với các bạn. |
| - Lí thuyết âm nhạc: Nhịp 3/8.  - Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 2.* | **\* Kiến thức:**  ***-*** Nêu được đặc điểm và cảm nhận được tính chất của nhịp 3/8.  - Đọc đúng tên nốt, cao độ, trường độ *Bài đọc nhạc số 2.*  **\* Năng lực:**  - Biết so sánh được sự giống nhau, khác nhau giữa nhịp 3/8 và 3/4.  - Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm theo phách.  **\* Phẩm chất:** Giáo dục Hs tính chăm chỉ, ý thức trách nhiệm trong quá trình chuẩn bị bài, hợp tác làm việc nhóm. |
| - Vận dụng – Sáng tạo. | **\* Kiến thức:**  - Ôn lại kiến thức: Vận dụng, sáng tạo vào nội dung bài học.  **\* Năng lực:**  - Học sinh biết vận dụng các nội dung của chủ đề vào thể hiện các năng lực âm nhạc và các phẩm chất theo nội dung và yêu cầu của chủ đề.  - Chia sẻ cảm nhận khi học song chủ đề.  **\* Phẩm chất:** Hs có ý thức, trách nhiệm, hỗ trợ nhau tham gia các hoạt động trong giờ học. |
| 5 | **CHỦ ĐỀ 4: BIỂN ĐẢO QUÊ HƯƠNG** | *-* Hát: Bài hát *Nơi ấy Trường Sa.*  *-* Nghe nhạc: Bài hát *Nơi đảo xa.* | **4** | **\* Kiến thức:**  - Hát đúng cao độ, trường độ, lời ca, sắc thái bài hát *Nơi ấy Trường Sa.*  *-*  Nhận biết được câu, đoạn nhạc trong bài hát.  - Nhớ tên bài hát, tên tác giả và nội dung bài hát.  **\* Năng lực:**  - Biết thể hiện đúng sắc thái bài hát bằng các hình thức khác nhau.  - Cảm nhận được giai điệu tha thiết, nhịp điệu hào hùng, sôi nổi và hình tường người chiến sỹ hải quân trong âm nhạc qua bài hát *Nơi ấy Trường Sa ,Nơi đảo xa.*  **\* Phẩm chất:** Qua giai điệu bài hát Hs thêm yêu quê hương đất nước, lòng tự hào dân tộc và trách nhiệm là một công dân Việt Nam hiện đại, luôn biết trân quý những hi sinh thầm lặng của người lính hải quân bên mặt trận gìn giữ chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc. |
| *-* Thường thức âm nhạc: Đàn guitar và ukulele  *-* Ôn bài hát: *Nơi ấy Trường Sa* | **\* Kiến thức:**  - Nêu được đặc điểm của đàn guitar và đàn ukulele, phân biệt được âm sắc của 2 nhạc cụ.  **\* Năng lực:**  - Hiểu biết, cảm thụ âm nhạc thông qua việc tìm hiểu về hình dáng và nghe các bản nhạc được trình diễn bằng guitar, ukulele.  - Thuộc lời, đúng sắc thái bài hát, thể hiện bài hát bằng các hình thức khác nhau.  **\* Phẩm chất:** Giáo dục Hs tình yêu quê hưong đất nước, lòng tự hào và ý thức bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Việt Nam. |
| - Nhạc cụ: Kèn phím. | **\* Kiến thức:**  - Luyện tập *Xoè hoa* trên kèn phím.  **\* Năng lực:**  - Thực hành được bài luyện tập đúng cao độ, trường độ, đúng kĩ thuật, duy trì tộc độ ổn định.  - Biết điều chỉnh cường độ nhạc cụ để thể hiện sắc thái khi giai điệu vang lên.  **\* Phẩm chất:** Có ý thức trách nhiệm, chăm chỉ trong việc chuẩn bị và tham gia các hoạt động học tập nhóm. |
| - Vận dụng - Sáng tạo.  - Ôn tập cuối học kỳ I. | **\* Kiến thức:**  - Ôn lại kiến thức: Vận dụng, sáng tạo vào nội dung bài học.  **\* Năng lực:**  - Học sinh biết vận dụng các nội dung của chủ đề vào thể hiện các năng lực âm nhạc và các phẩm chất theo nội dung và yêu cầu của chủ đề.  - Chia sẻ cảm nhận khi học song chủ đề.  **\* Phẩm chất:** Hs có ý thức, trách nhiệm, hỗ trợ nhau tham gia các hoạt động trong giờ học. |
| 18 |  | **Kiểm tra cuối**  **học kỳ I.** | **1** | **1. Kiến thức, kĩ năng:**  *a. Kiến thức:*  - Học sinh thuộc lời bài hát và đọc chuẩn các bài tập đọc nhạc.  - Biểu diễn bài hát, bài đọc nhạc theo các hình thức khác nhau.  *b. Kĩ năng*  - Rèn cho học sinh kĩ năng hát và đọc các Bài đọc nhạc.  **2. Định hư­ớng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh:**  *a. Các phẩm chất:* Yêu gia đình, quê h­ương, đất nư­ớc, mái trường thầy cô.  *b. Năng lực chung:* Năng lực tự học, giải quyết vấn đề.  *c. Năng lực chuyên biệt:* Hiểu biết âm nhạc*,* thực hành âm nhạc, cảm thụ âm nhạc. |
|  | **CHỦ ĐỀ 5: CHÀO XUÂN** | - Hát: Bài hát *Ngày tết quê em.* | **4** | **\* Kiến thức:**  - Hát đúng cao độ, trường độ, lời ca, sắc thái bài hát *Ngày tết quê em.*  *-*  Nhận biết được câu, đoạn nhạc trong bài hát.  - Nhớ tên bài hát, tên tác giả và nội dung bài hát.  **\* Năng lực:**  - Biết thể hiện đúng sắc thái bài hát bằng các hình thức khác nhau.  - Cảm nhận được vẻ đẹp và biết biểu lộ cảm xúc khi nghe bài hát *Ngày tết quê em.*  ***\** Phẩm chất:** Qua giai điệu lời ca bài hát Hs thêm yêu, thêm tự hào về nền văn hoá Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc. Từ đó, các em biết trân trọng hơn khoảnh khắc ấm áp khi nhà nhà quây quần bên nhau trong ngày Tết cổ truyền Việt Nam và có ý thức trong việc giữ gìn, bảo tồn, phát huy những nét đẹp truyền thống trong văn hoá Tết Việt. |
| - Thường thức âm nhạc: Nhạc sĩ Trần Hoàn và ca khúc *Một mùa xuân nho nhỏ.*  - Ôn bài hát *Ngày Tết quê em.* | ***\** Kiến thức:**  - Nêu được đôi nét về cuộc đời và thành tựu âm nhạc của nhạc sĩ Trần Hoàn; cảm nhận được tính chất, nội dung của bài hát *Một mùa xuân nho nhỏ.*  ***\** Năng lực**  **-** Cảm nhận được tính chất, nội dung và vẻ đẹp âm nhạc qua bài hát *Một mùa xuân nho nhỏ.*  - Thuộc lời, đúng sắc thái bài hát, thể hiện bài hát bằng các hình thức khác nhau.  ***\** Phẩm chất:** Giáo dục Hs tình yêu quê hương đất nước, lòng tự hào về nền văn hoá dân tộc, sự khiêm tốn, chăm chỉ học hỏi trong cuộc sống, tính đoàn kết trong công việc. |
| - Lí thuyết âm nhạc: Nhịp 6/8.  - Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 3.* | ***\** Kiến thức:**  - Nêu được đặc điểm và cảm nhận được tính chất của nhịp 6/8;  - Đọc đúng tên nốt, cao độ, trường độ *Bài đọc nhạc số 3.*  ***\** Năng lực:**  - Biết so sánh được sự giống, khác nhau giữa nhịp 6/8 và 3/8.  **-** Biết đọc nhạc kết hợp các hình thức khác nhau.  ***\** Phẩm chất:** Rèn luyện Hs tính chăm chỉ trong học tập, đoàn kết, trách nhiệm trong phối hợp công việc nhóm/liên nhóm để hoàn thành nội dung bài học. |
| - Vận dụng – Sáng tạo. | ***\** Kiến thức:**  - Ôn lại kiến thức: Vận dụng, sáng tạo vào nội dung bài học.  ***\** Năng lực:**  - Học sinh biết vận dụng các nội dung của chủ đề vào thể hiện các năng lực âm nhạc và các phẩm chất theo nội dung và yêu cầu của chủ đề.  - Chia sẻ cảm nhận khi học song chủ đề.  ***\** Phẩm chất:**  - Giáo dục học sinh tính chăm chỉ, ý thức trách nhiệm và nhân ái với bạn bè trong các hoạt động của bài học. |
|  | **CHỦ ĐỀ 6: ÂM NHẠC NƯỚC NGOÀI** | - Học hát bài: *Hát lên cho ngày mai.*  - Nghe nhạc:Bài hát *Trở về Surriento.* | **4** | **\* Kiến thức:**  - Hát đúng cao độ, trường độ, lời ca, sắc thái bài hát *Hát lên cho ngày mai.*  - Nghe và cảm nhận bài hát giai điệu, nội dung, sắc thái bài hát *Trở về Surriento.*  *-*  Nhận biết được câu, đoạn nhạc trong bài hát.  - Nhớ tên bài hát, tên tác giả và nội dung bài hát.  **\* Năng lực:**  - Biết thể hiện đúng sắc thái bài hát bằng các hình thức khác nhau.  - Biết thể hiện cảm xúc được vẻ đẹp khi nghe bài hát *Trở về Surriento.*  **\* Phẩm chất:** Qua nội dung bài hát giáo dục tình yêu thương con người, lòng nhân ái, hướng đến cuộc sống tươi đẹp. |
| - Nhạc cụ: Kèn phím.  - Ôn bài hát: *Hát lên cho ngày mai.* | ***\** Kiến thức:**  - Thực hành Gam A moll, thể hiện được giai điệu kèn phím bài *Trở về Surriento.*  ***\** Năng lực:**  - Thực hành được bài luyện tập đúng cao độ, trường độ, đúng kĩ thuật.  - Biết điều chỉnh thế bấm, cường độ nhạc cụ để thể hiện sắc thái khi giai điệu vang lên.  - Thuộc lời, đúng sắc thái bài hát, thể hiện bài hát bằng các hình thức khác nhau.  ***\** Phẩm chất:** Giáo dục Hs chăm chỉ học tập và vận dụng kiến thức, rèn luyện tinh thần đoàn kết trong hoạt động nhóm khi luyện tập các bài nhạc cụ, bài tập ứng dụng. |
| - Lí thuyết âm nhạc: Gam thứ, giọng thứ, giọng La thứ.  - Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 4 –* Ôn *Bài đọc nhạc số 4.* | ***\** Kiến thức:**  - Nêu được đặc điểm của gam thứ, giọng thứ; nhận biết được một số bản nhạc viết ở giọng La thứ.  - Đọc đúng tên nốt, cao độ, trường độ *Bài đọc nhạc số 4.*  ***\** Năng lực:**  - Nhận diện được thành phần các âm và biết xác định giọng Am trên bản nhạc, biết thể hiện đúng tính chất giọng Am.  **-** Biết đọc nhạc kết hợp các hình thức khác nhau.  ***\** Phẩm chất:** Rèn luyện tính chăm chỉ, kiên trì tập luyện cá nhân và phối hợp làm việc nhóm. |
|  |  | - Vận dụng – Sáng tạo. Ôn tập | **1** | **1. Kiến thức, kĩ năng:**  *a. Kiến thức:*  - Học sinh thuộc lời bài hát và đọc chuẩn các bài tập đọc nhạc.  - Biểu diễn bài hát, bài đọc nhạc theo các hình thức khác nhau.  *b. Kĩ năng*  - Rèn cho học sinh kĩ năng hát và đọc các Bài đọc nhạc.  **2. Định hư­ớng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh:**  *a. Các phẩm chất:* Yêu gia đình, quê h­ương, đất nư­ớc, mái trường thầy cô.  *b. Năng lực chung:* Năng lực tự học, giải quyết vấn đề.  *c. Năng lực chuyên biệt:* Hiểu biết âm nhạc*,* thực hành âm nhạc, cảm thụ âm nhạc. |
|  | **Kiểm tra giữa kì II.** | ***\** Kiến thức:**  - Ôn lại kiến thức: Vận dụng, sáng tạo vào nội dung bài học.  ***\** Năng lực:**  - Học sinh biết vận dụng các nội dung của chủ đề vào thể hiện các năng lực âm nhạc và các phẩm chất theo nội dung và yêu cầu của chủ đề.  - Chia sẻ cảm nhận khi học song chủ đề.  ***\** Phẩm chất:** Giáo dục học sinh tính chăm chỉ, ý thức trách nhiệm và nhân ái với bạn bè trong các hoạt động của bài học. |
|  | **CHỦ ĐỀ 7: GIAI ĐIỆU QUÊ HƯƠNG** | - Hát: Bài hát *Soi bóng bên hồ.* | **5** | ***\** Kiến thức:**  - Hát đúng cao độ, trường độ và lời ca bài dân ca *Soi bóng bên hồ.*  - Biết bài hát *Soi bóng bên hồ* là một bài dân ca của đồng bào dân tộc Giáy.  ***\** Năng lực:**  - Thể hiện được sắc thái, tính chất âm nhạc của bài dân ca *Soi bóng bên hồ.*  ***\** Phẩm chất:** Giáo dục Hs lòng nhân ái, có tinh thần đoàn kết với tất cả các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam. |
| - Thường thức âm nhạc: Đàn nguyệt và đàn tính.  - Ôn bài hát *Soi bóng bên hồ.* | **\* Kiến thức:**   * Nhận biết và nêu được một số đặc điểm của đàn nguyệt, đàn tính.   **\* Năng lực:**  - Cảm nhận và phân biệt được âm sắc của hai nhạc cụ.  - Thuộc lời, đúng sắc thái bài hát, thể hiện bài hát bằng các hình thức khác nhau.  **\* Phẩm chất:** Qua tìm hiểu đàn nguyệt, đàn tính, giáo dục HS yêu thích các nhạc cụ dân tộc, có ý thức gìn giữ bảo vệ các giá trị văn hoá truyền thống. |
| - Lí thuyết âm nhạc: Đảo phách.  - Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 5.* | **\* Kiến thức:**  - Nêu được đặc điểm hai trường hợp đảo phách; nhận biết và thể hiện được đảo phách ở một số bản nhạc.  - Đọc đúng tên nốt, cao độ, trường độ *Bài đọc nhạc số 5.*  **\* Năng lực:**  - Nhận biết và thể hiện được đảo phách ở một số bản nhạc.  - Thể hiện sắc thái Bài đọc nhạc với các hình thức khác nhau.  **\* Phẩm chất:** Giáo dục Hs tính chăm chỉ, ý thức trách nhiệm và nhân ái với bạn bè trong các hoạt động của bài học. |
| - Vận dụng – Sáng tạo. | **\* Kiến thức:**  - Ôn lại kiến thức: Vận dụng, sáng tạo vào nội dung bài học.  **\* Năng lực:**  - Học sinh biết vận dụng các nội dung của chủ đề vào thể hiện các năng lực âm nhạc và các phẩm chất theo nội dung và yêu cầu của chủ đề.  - Chia sẻ cảm nhận khi học song chủ đề.  **\* Phẩm chất**: Hs có ý thức, trách nhiệm, hỗ trợ nhau tham gia các hoạt động trong giờ học. |
|  | **CHỦ ĐỀ 8: NHỊP ĐIỆU MÙA HÈ** | *-* Nghe nhạc: Bài hát *Xôn xao mùa hè.*  *-* Thường thức âm nhạc: Nhạc sĩ Frederic Chopin (F. Chopin) và tác phẩm *Khúc tùy hứng giọng Đô thăng thứ* (*Fantaisie Impromptu in C sharp minor).* | **2** | **\* Kiến thức:**  - Lắng nghe và thế hiện cảm xúc khi nghe bài hát *Xôn xao mùa hè.*  - Nêu được đôi nét vế cuộc đời và thành tựu âm nhạc của nhạc sĩ F. Chopin*.*  **\*Năng lực:**  - Cảm nhận được vẻ đẹp của bài *Xôn xao mùa hè,* biết biểu lộ cảm xúc vận động nhịp điệu phù hợp.  - Cảm nhận ttính chất, nội dung của tác phẩm *Khúc tùy hứng giọng Đô thăng thứ* (*Fantaisie Impromptu in C sharp minor).*  **\* Phẩm chất**: Học tập gương sáng của một thiên tài âm nhạc, có ý thức tự học, chăm chỉ để đạt được những thành công trong tương lai. |
| - Nhạc cụ: Kèn phím. | **\* Kiến thức:**  - Thể hiện được được bài thực hành đúng cao độ, trường độ, kĩ thuật  - Chơi được bài hòa tấu *Trở về Surriento*.  **\* Năng lực:**  - Biết điều chỉnh cường độ nhạc cụ để thể hiện sắc thái khi giai điệu vang lên.  **\* Phẩm chất:**  - Rèn luyện tính chăm chỉ, kiên trì tập luyện cá nhân và tinh thần đoàn kết qua các hoạt động khi luyện tâp các bài tập ứng dụng. |
| - Vận dụng – Sáng tạo; Ôn tập học kỳ II. | ***\* Kiến thức:***  - Ôn lại kiến thức: Vận dụng, sáng tạo vào nội dung bài học.  ***\* Năng lực:***  - Học sinh biết vận dụng các nội dung của chủ đề vào thể hiện các năng lực âm nhạc và các phẩm chất theo nội dung và yêu cầu của chủ đề.  - Chia sẻ cảm nhận khi học song chủ đề.  ***\* Phẩm chất:***  - Giáo dục học sinh luôn kính trọng biết ơn Bác Hồ. Từ đó có ý thức học tập và làm việc theo tấm gương đạo đước của Bác, luôn có trách nhiệm bảo vệ và xây dựng quê hương, đất nước.  - Qua nội dung bài học giáo dục học sinh rèn luyện tính chăm chỉ, kiên trì, luyện tập cá nhân. |
|  |  | **Kiểm tra cuối kì II.** | **1** | **1. Kiến thức, kĩ năng:**  *a. Kiến thức:*  - Học sinh thuộc lời bài hát và đọc chuẩn các bài tập đọc nhạc.  - Biểu diễn bài hát, bài đọc nhạc theo các hình thức khác nhau.  *b. Kĩ năng*  - Rèn cho học sinh kĩ năng hát và đọc các Bài đọc nhạc.  **2. Định hư­ớng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh:**  *a. Các phẩm chất:* Yêu gia đình, quê h­ương, đất nư­ớc, mái trường thầy cô.  *b. Năng lực chung:* Năng lực tự học, giải quyết vấn đề.  *c. Năng lực chuyên biệt:* Hiểu biết âm nhạc*,* thực hành âm nhạc, cảm thụ âm nhạc. |

**6.Phân phối chương trình GDCD**

**a. Phân phối môn GDCD 6**

1. **Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| 1 | **Tự hào về truyền thống gia đình và dòng họ** | **2** | **1. Về kiến thức**  - Nêu được một số truyền thống của gia đình, dòng họ.  - Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ.  - Biết giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ băng những việc làm cụ thể phù hợp.  **2. Về năng lực**  Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ,  Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện kế hoạch để không ngừng phát huy và nâng cao các trị truyền thống tốt đẹp  **3. Về phẩm chất :**  Yêu nước: Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động để phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ.  Nhân ái: Trân trọng những giá trị tốt đẹp mà ông bà, bố mẹ, các thế hệ đi trước đã xây dựng.  Trách nhiệm: Có có ý thức tìm hiểu, tham gia các hoạt động của gia đình dòng họ, quan tâm đến các công việc của gia đình. |
| 2 | **Bài 2: Yêu thương con người** | **3** | **1. Về kiến thức:**  - Nêu được khái niệm và biểu hiện của tình yêu thương con người.  - Trình bày được giá trị của tình yêu thương con người.  - Thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương con người  - Đánh giá được thái độ, hành vi thể hiện tình. yêu thương của người khác.  - Phê phán những biểu hiện trái với tình yêu thương con người.  **2. Về năng lực:**  Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được những chuẩn mực đạo đức, những giá trị truyền thống của tìnhyêu thương con người.  Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm phát huy những giá trị về tình yêu thương con người theo chuẩn mực đạo đức của xã hội.  Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Tích cực tham gia các hoạt động nhằm góp phần vào việc lan tỏa các giá trị về tình yêu thương con người..  **3. Về phẩm chất**:  Yêu nước: Có ý thức tìm hiểu các giá trị, phẩm chất của yêu thương con người của người Việt Nam  Chăm chỉ: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập;  Trách nhiệm: có ý thức và tích cực tham gia các hoạt động để phát huy truyền thống yêu thương con người |
| 3 | **Bài 3: Siêng năng, kiên trì** | **3** | **1. Về kiến thức:**  -Nêu được khái niệm, biểu hiện của siêng năng, kiên trì. - Nhận biết được ý nghĩa của siêng năng, kiên trì.  - Siêng năng, kiên trì trong lao động, học tập và cuộc sống hằng ngày.  - Đánh giá được sự siêng năng, kiên trì của bản thân và người khác trong học tập, lao động.  **2. Về năng lực:**  Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được vai trò của việc siêng năng, kiên trì, tích cực học tập, rèn luyện để đáp ứng các nhu cầu của bản  Năng lực phát triển bản thân: Kiên trì mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện, tự thực hiện được các công việc, nhiệm vụ của bản thân trong học tập và sinh hoạt hằng ngày.  **3. Về phẩm chất:**  Chăm chỉ: Kiên trì, cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập;  Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân và chịu trách nhiệm về mọi lời nói, hành vi của bản thân. Trách nhiệm: Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, |
| 4 | **Kiểm tra giữa kỳ I** | **1** | **1. Về kiến thức**  - Học sinh củng cố những kiến thức cơ bản đã được học  - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.  - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.  **2. Về năng lực**  Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nẩy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi  Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập  **3. Về phẩm chất:**  Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp  Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra |
| 5 | **Bài 4: Tôn trọng sự thật** | **2** | **1. Về kiến thức**  - Nhận biết được một số biểu hiện của tôn trọng sự thật.  - Hiểu vì sao phải tôn trọng sự thật.  - Luôn nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm.  - Không đồng tình với việc nói dối hoặc che giấu sự thật.  **2. Về năng lực**  Năng lực điều chỉnh hành vi: Tự giác thực hiện một cách đúng đắn những công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống  Năng lực phát triển bản thân: Kiên trì mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện  **3. Về phẩm chất**  Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân Trách nhiệm: Thực hiện đúng nội quy nơi công cộng; chấp hành tốt pháp luật, không tiếp tay cho kẻ xấu... |
| 6 | **Bài 5: Tự lập** | **2** | **1. Về kiến thức**  - Nêu được khái niệm tự lập.  - Liệt kê được các biểu hiện của người có tính tự lập.  - Hiểu vì sao phải tự lập.  - Đánh giá được khả năng tự lập của bản thân và người khác.  - Tự thực hiện được nhiệm vụ của bản thân trong học tập, sinh hoạt hằng ngày, hoạt động tập thể ở trường và trong cuộc sống cộng đồng, không dựa dẫm, ỷ lại và phụ thuộc vào người khác.  **2. Về năng lực**  Năng lực điều chỉnh hành vi: Có kiến thức cơ bản để tự nhận thức, tự quản lí, tự bảo vệ bản thân  Năng lực phát triển bản thân: Hoàn thiện bản thân nhằm nâng cao giá trị bản thân, đạt những mục tiêu cuộc sống phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.  Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tự nhận biết được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu, của bản thân, lập được mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện của bản thân mình  Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; không đồng tình với những hành vi sống dựa dẫm, ỷ lại.  **3. Về phẩm chất**  Chăm chỉ: Luôn cố gắng tự mình vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; tham gia công việc lao động, sản xuất trong gia đình theo yêu cầu thực tế, phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân.  Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải trước mọi người, khách quan, công bằng trong nhận thức. |
| 7 | **Bài 6: Tự nhận thức bản thân** | **3** | **1. Về kiến thức**  - Nêu được thế nào là tự nhận thức bản thân.  - Nhận biết được ý nghĩa của tự nhận thức bản thân.  - Tự nhận thức được điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí, tình cảm, các mối quan hệ của bản thân.  - Biết tôn trọng bản thân, xây dựng được kế hoạch phát huy điểm mạnh và hạn chế điểm yếu của bản thân.  **2. Về năng lực**  Năng lực điều chỉnh hành vi: Có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lí, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống;  Năng lực phát triển bản thân: Lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân  Năng lực tự chủ và tự học: Nhận thức được sở thích, khả năng của bản thân. Biết rèn luyện, khắc phục những hạn chế của bản thân  Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nhận xét được ưu điểm, thiếu sót của bản thân, biết điều chỉnh hành vi của bản thân mình để phù hợp với mối quan hệ với các thành viên trong xã hội.  **3. Về phẩm chất**  Chăm chỉ: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân. Trách nhiệm: Có thói quen nhìn nhận đánh giá bản thân mình, có ý thức tu dưỡng và rèn luyện. |
| 8 | **Kiểm tra cuối kỳ I** | **1** | **1. Về kiến thức**  - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học  - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.  - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.  **2. Về năng lực**  Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề này sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi.  Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập.  **3. Về phẩm chất:**  Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp.  Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra. |
| 9 | **Bài 7: Ứng phó với tình huống nguy hiểm từ con**  **người** | **2** | **1. Kiến thức**  - Nhận biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm từ con người  - Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm từ con người  - Thực hành được cách ứng phó trước một số tình huống nguy hiểm từ con người để đảm bảo an toàn.  **2. Năng lực**  Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được những kỹ năng sống cơ bản, phù hợp với lứa tuổi.  Năng lực phát triển bản thân: Trang bị cho bản thân những kỹ năng sống cơ bản như để thích ứng, điều chỉnh và hòa nhập với cuộc sống.  Năng lực tự chủ và tự học:Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng sống cơ bản đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết vấn đề trong cuộc sống.  Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện và giải quyết được những tình huống phát sinh trong cuộc sống hàng ngày.  **3. Phẩm chất**  Chăm chỉ: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.  Trách nhiệm: Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ con người, phản đối những hành vi xâm hại con người. |
| 10 | **Bài 8: Ứng phó với tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên** | **2** | **11. Kiến thức**  - Nhận biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên.  - Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên.  - Thực hành được cách ứng phó trước một số tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên để đảm bảo an toàn.  **2. Năng lực**  Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được những kỹ năng sống cơ bản, phù hợp với lứa tuổi.  Năng lực phát triển bản thân: Trang bị cho bản thân những kỹ năng sống cơ bản như để thích ứng, điều chỉnh và hòa nhập với cuộc sống.  Năng lực tự chủ và tự học: Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng sống cơ bản đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết vấn đề trong cuộc sống.  Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện và giải quyết được những tình huống phát sinh trong cuộc sống hàng ngày.  **3. Phẩm chất**  Chăm chỉ: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.  Trách nhiệm: Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, phản đối những hành vi xâm hại đến thiên nhiên - Giáo dục ý thức học tập tự giác, nghiêm túc, khoa học. |
| 11 | **Bài 9: Tiết kiệm** | **3** | **1. Về kiến thức**  - Nêu được khái niệm tiết kiệm và biểu hiện của tiết kiệm tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện, nước,...).  - Hiểu vì sao phải tiết kiệm.  - Thực hành tiết kiệm trong cuộc sống, học tập.  - Nhận xét, đánh giá được việc thực hành tiết kiệm của bản thân và những người xung quanh.  - Phê phán những biểu hiện lãng phí.  **2. Về năng lực**  Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được sự cần thiết phải tiết kiệm tiền; nguyên tắc quản lý tiền; cách lập kế hoạch chi tiêu và tiêu dùng thông minh, tiết kiệm tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện nước, bước đầu biết quản lý tiền, tạo nguồn thu nhập cá nhân và chi tiêu hợp lí.  Năng lực phát triển bản thân: Kiên trì mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện, tự thực hiện được các công việc, nhiệm vụ của bản thân trong học tập và sinh hoạt hằng ngày, thực hiện được việc quản lí và chi tiêu tiền hợp lí theo kế hoạch đã đề ra.  Năng lực tự chủ và tự học: Biết làm chủ tình cảm, cảm xúc để có hành vi phù hợp trong học tập và đời sống, không đua đòi ăn diện lãng phí, nghịch ngợm, hiểu được vai trò của tiết kiệm  Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Lập được kế hoạch chi tiêu hợp lý của bản thân, từng bước hiểu và coi trọng tiền bạc một cách hợp lý, biết cách quản lý tiền bạc của bản thân một cách phù hợp.  **3. Về phẩm chất**  Chăm chỉ: Có ý thức tham gia công việc lao động, sản xuất trong gia đình theo yêu cầu thực tế, phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân.  Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm, tiết kiệm của công, trân trọng những giá trị vật chất do mình và mọi người tạo ra.  Trách nhiệm: Có thói quen chi tiêu và sử dụng hợp lí tiết kiệm tiền bạc và của cải vật chất của mình và mọi người |
| 12 | **Kiểm tra giữa kỳ II** | **1** | **1. Về kiến thức**  - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học.  - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.  - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.  **2. Về năng lực**  Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề này sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi.  Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân, lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập.  **3. Về phẩm chất**  Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp.  Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra. |
| 13 | **Bài 10: Công dân nước**  **cộng hòa XHCN Việt Nam** | **3** | **1. Về kiến thức**  - Nêu được khái niệm công dân; căn cứ xác định công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.  - Nêu được quy định của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.  - Bước đầu thực hiện được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.  **2. Về năng lực**  Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được những khái niệm pháp luật phổ thông, cơ bản, phù hợp với lứa tuổi và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực hành vi đó.  Năng lực phát triển bản thân: Xác định được quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân nước cộng hòa XHCN Việt Nam. Có ý thức tìm hiểu pháp luật, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.  Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được một số kiến thức phổ thông, cơ bản về pháp luật; nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội liên quan pháp luật, kĩ năng sống. Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được các vấn đề thường gặp liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.  Năng lực tự chủ và tự học: Hiểu biết về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân q, nhu cầu cá nhân; biết phân biệt quyền, nhu cầu chính đáng và không chính đáng.  Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân giải quyết được một cách phù hợp các huống trong đời sống.  **3. Về phẩm chất**  Yêu nước: Tích cực, chủ động thực hiện tốt đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, tôn trọng các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.  Nhân ái: tôn trọng các quyền và nghĩa vụ cơ bản của người khác, không đồng tình với cái ác, cái xấu; không cổ xuý, không tham gia các hành vi bạo lực.  Trung thực: Tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải trước mọi người, khách quan, công bằng trong nhận thức, ứng xử; không xâm phạm của công; đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống. |
| 14 | **Bài 11: Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân** | **3** | **1. Về kiến thức**  - Nêu được những quy định của Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.  - Thực hiện được quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân phù hợp với lứa tuổi.  **2. Về năng lực**  Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được quy định của pháp luật phổ thông, về quyền và nghĩa vụ của công dân và ý nghĩa của các chuẩn mực hành vi đó. Tự giác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, tôn trọng quyền và nghĩa vụ của người khác.  Năng lực phát triển bản thân: Có kế hoạch để thực hiện các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, vào những việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.  Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được một số kiến thức phổ thông, cơ bản về pháp luật; nhận biết được một số sự kiện, liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.  **3. Về phẩm chất**  Yêu nước: Tích cực, chủ động tham gia thực hiện các quyền và nghĩa vụ cơ bản của bản thân, tuyên truyền, vận động mọi người cùng thực hiện tốt.  Nhân ái: Tôn trọng quyền và nghĩa vụ của mọi người, cùng nhau thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân nhằm xây dựng các quan hệ tốt đẹp và lành mạnh.  Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm, tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải công bằng trong nhận thức, ứng xử; không xâm phạm đến quyền và nghĩa vụ công dân của người khác. |
| 15 | **Bài 12: Quyền và nghĩa vụ cơ bản của trẻ em** | **3** | **1.Về kiến thức**  - Nêu được các quyền cơ bản của trẻ em, ý nghĩa của quyền trẻ em và việc thựchiện quyền trẻ em.  - Thực hiện tốt quyền và bổn phận của trẻ em.  - Nêu được trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em.  **2. Về năng lực**  Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được các quyền trẻ em, tích cực tham gia thực hiện quyền trẻ em của bản thân thành những việc làm phù hợp lứa tuổi  Năng lực phát triển bản thân: Biết vận dụng các quyền trẻ em để thực hiện các việc làm của bản thân một cách phù hợp để hoàn thiện bản thân mình  **3. Về phẩm chất**  Yêu nước: Tích cực, chủ động tham gia thực hiện các quyền trẻ em cơ bản của bản thân, tuyên truyền, vận động mọi người cùng thực hiện tốt quyền của trẻ em.  Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm, tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải công bằng trong nhận thức, ứng xử. |
| 16 | **Kiểm tra cuối kỳ II** | **1** | **1. Về kiến thức**  - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.  - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.  **2. Về năng lực**  Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề này sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi.  Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập.  **3. Về phẩm chất**:  Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp.  Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra. |

**b. Phân phối môn GDCD 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| 1 | Bài 1. Tự hào về truyền thống quê hương | 2 | **1. Về kiến thức:**  **-** Hiểu được truyền thống tốt đẹp của quê hương lànhững giá trị tốt đẹp, riêng biệt của mỗi vùng miền, địa phương, được hình thành và khẳng định qua thời gian, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.  **-** Nêu được một số truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương.  - Biết phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương. Đồng thời biết thực hiện được những việc làm phù hợp để giữ gìn truyền thống của quê hương.  **2. Về năng lực:**  - Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận ra được, nêu được một số truyền thống của quê hương. Nhận xét, đánh giá được những việc làm đã thể hiện/ chưa thể hiện giữ gìn truyền thống quê hương.  - Năng lực phát triển bản thân: Thực hiện được những việc làm để giữ gìn truyền thống quê hương.  - *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết xác định công việc, biết sử dụng ngôn ngữ, hợp tác theo nhóm thảo luận về nội dung bài học, biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp với các bạn.  **3. Về phẩm chất:**  *- Yêu nước:* Có ý thức tìm hiểu truyền thống của quê hương; tích cực học tập, rèn luyện để phát huy truyền thống của quê hương. |
| 2 | Bài 2. Bảo tồn di sản văn hoá | 3 | **1. Về kiến thức:**  **-** Nêu được khái niệm di sản văn hóa và một số loại di sản văn hóa của Việt Nam.  - Giải thích được ý nghĩa của di sản văn hóa đối với con người và xã hội.  - Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hóa.  - Nhận biết được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo tồn di sản văn hóa.  - Liệt kê được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hóa và cách đấu tranh, ngăn chặn các hành vi đó.  - Thực hiện được một số việc cần làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bản vệ di sản văn hóa.  **2. Về năng lực:**  **Học sinh được phát triển các năng lực:**  *-Tự chủ và tự học:* Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết vấn đề trong những tình huống bảo vệ di sản văn hóa.  *- Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới; biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.  **3. Về phẩm chất:**  ***-*** *Trung thực****:*** Mạnh dạn bày tỏ ý kiến của mình, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hóa và cách đấu tranh; ngăn chặn các hành vi đó.  - *Yêu nước:* Có ý thức bảo vệ các di sản văn hoá, tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị của di sản văn hoá.  *- Trách nhiệm:* Tự kiểm soát, đánh giá những quy định của tập thể, chịu trách nhiệm và thực hiện trách nhiệm công dân với cộng đồng, đất nước. |
| 3 | Bài 3. Quan tâm, cảm thông và chia sẻ | 3 | **1.Về kiến thức:**  - Nêu được một số việc làm để quan tâm, thông cảm, chia sẻ với người khác.  - Hiểu vì sao mọi người phải quan tâm, thông cảm, chia sẻ với nhau.  - Thường xuyên có những lời nói việc làm thể hiện sự quan tâm, chia sẻ, thông cảm với mọi người.  - Khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, chia sẻ và thông cảm với người khác  - Phê phán những việc làm không thể hiện sự quan tâm, chia sẻ, thông cảm.  **2. Về năng lực:**  -Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận ra được, nêu được một số việc làm thể hiện sự quan tâm, thông cảm, chia sẻ. Nhận xét, đánh giá được những việc làm đã thể hiện/ chưa thể hiện sự quan tâm, thông cảm, chia sẻ .  - Năng lực phát triển bản thân: Thực hiện được những việc làm để quan tâm, thông cảm, chia sẻ .  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết xác định công việc, biết sử dụng ngôn ngữ, hợp tác theo nhóm thảo luận về nội dung bài học, biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp với các bạn.  **3. Về phẩm chất:**  - Yêu nước: Có ý thức tìm hiểu truyền thống đùm bọc, yêu thương của dân tộc; tích cực học tập, rèn luyện để phát huy truyền thống của dân tộc. |
| 4 | Kiểm tra giữa học kỳ I | 1 | **1. Về kiến thức**  - Học sinh củng cố những kiến thức cơ bản đã được học  - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.  - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.  **2. Về năng lực**  Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nẩy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi  Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập  **3. Về phẩm chất:**  Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp  Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra |
| 5 | Bài 4. Học tập tự giác, tích cực | 2 | **1. Về kiến thức:**  Học sinh nắm được:  - Khái niệm và biểu hiện của học tập tự giác, tích cực.  - Ý nghĩa của học tập tự giác, tích cực.  - Những việc làm thể hiện sự tự giác, tích cực trong học tập.  - Quý trọng những người học tập tự giác, tích cực; góp ý cho những bạn có biểu hiện chưa tự giác, tích cực để khắc phục hạn chế này.  **2. Về năng lực:**  ***-*** *Năng lực* *tự chủ và tự học:* Tự giác học tập, lao động, thực hiện được những việc làm thể hiện sự tự giác, tích cực.  - *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Nhận biết được những những giá trị tốt đẹp của học tập tự giác, tích cực. Có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lí, điều chỉnh bản thân và thích ứng với những thay đối trong cuộc sổng nhằm phát huy giá trị to lớn của tự giác, tích cực.  - *Năng lực phát triển bản thân:* Tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm phát huy khả năng học tập tự giác, tích cực. Xác định được lí tường sổng của bản thân, lập kế hoạch học tập và rèn luyện, xác định được hướng phát triển phù hợp của bản thân.  *- Năng lực hợp tác, giải quyết vần đề:* Hợp tác với các bạn trong lớp trong các hoạt động học tập; cùng bạn bè tham gia các hoạt động cộng đồng nhằm góp phần lan tỏa giá trị của tự giác, tích cực.  **3. Về phẩm chất:**  - Chăm chỉ: Quý trọng, ủng hộ những người học tập tích cực, tự giác.  - Trách nhiệm: Tích cực hoàn thành nhiệm vụ học tập. |
| 6 | Bài 5. Giữ chữ tín | 2 | **1. Về kiến thức:**  - Hiểu được chữ tín là gi, biểu hiện của giữ chữ tín và vì sao phải giữ chữ tín.  - Phân biệt được hành vi giữ chữ tín và không gỉữ chữ tin.  - Luôn giữ lời hứa với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm.  - Phê phán những người không biết giữ chữ tín.  **2. Về năng lực:**  **Học sinh được phát triển các năng lực:**  *-Tự chủ và tự học:* Tự giác học tập, lao động; kiên trì thực hiện mục tiêu học tập.  - *Điều chỉnh hành vi:* Tự đánh giá được mức độ tự lập của bản thân, qua đó điều chỉnh tính tự lập tham gia các hoạt động học tập ở lớp, ở nhà, trong lao động và trong cuộc sống hằng ngày.  - *Phát triển bản thân:* Kiên trì mục tiêu, thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện trong cuộc sống.  *- Tư duy phê phán:* Đánh giá, phê phán được những hành vi chưa có tính tự lập như: lười biếng, ỷ lại trong học tập, trốn tránh công việc, hay nản lòng trong học tập, lao động và trong cuộc sống.  *- Hợp tác, giải quyết vấn đề:* Hợp tác với các bạn trong lớp trong các hoạt động học tập; cùng bạn bè tham gia giải quyết nhiệm vụ học tập, trả lời các câu hỏi trong bài học.  **3. Về phẩm chất:**  *- Trách nhiệm:*Tích cực, chủ động hoàn thành nhiện vụ học tập, lao động, các hoạt động tập thể, hoạt động đội. |
| 7 | Bài 6. Quản lí tiền | 3 | **1. Về kiến thức**  - Nêu được ý nghĩa củavieecj quản lý tiền hiệu quả.  - Nhận biết được một số nguyên tắc quản lý tiền có hiệu quả.  - Bước đầu biết quản lý tiền và tạo nguòn thu nhập của cá nhân.  **2. Về năng lực**  *-Năng lực điều chỉnh hành* *vi:* Bước đầu biết quản lý tiền thông qua việc sử dụng tiền hiệu quả để đạt được mục tiêu của bản thân.  *-Năng lực phát triển bản thân*: Có kế hoạch để quản lý tiền và tạo nguòn thu nhập của cá nhân, kiên trì với mục tiêu, kế hoạch đã dề ra.  *-Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội*: Sử dụng hiệu quả và đúng kế hoạch khoản thu nhập của bản thân trong các hoạt động cá nhân, trong gia đình và ngoài xã hội.  **3. Về phẩm chất**  *Yêu nước:* Tích cực, chủ động tham gia thực hiện các quyền và nghĩa vụ của bản thân về thu nhập cá nhân ….  *Nhân ái:* có kế hoach sử dụng tiền vào các hoạt động quyên góp, ủng hộ giúp đỡ các cá nhân và tập thể khi cần thiết.  *Trách nhiệm:* Tự giác thực hiện kế hoạch quản lý tiền mà bản thân đã đề ra, .. |
| 8 | Kiểm tra cuối học kỳ I | 1 | **1. Về kiến thức**  - Học sinh củng cố những kiến thức cơ bản đã được học  - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.  - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.  **2. Về năng lực**  Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nẩy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi  Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập  **3. Về phẩm chất:**  Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp  Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra |
| 9 | Bài 7. Ứng phó với tâm lí căng thẳng | 3 | **1. Về kiến thức:**  - Nêu được các tình huống thường gây căng thẳng. Nhận biết được biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng.  - Nêu được nguyên nhân và ảnh hưởng của tâm lí căng thẳng.  - Nêu được cách ứng phó khi căng thẳng và bản thân có hành vi ứng xử phù hợp khi căng thẳng  **2. Năng lực**  *- Năng lực điều chỉnh hành vi*: Nhận biết được những tình huống gây căng thẳng để điều chỉnh hành vi.  *- Năng lực phát triển bản thân:*Trang bị cho bản thân những kỹ năng sống cơ bản để thích ứng, điều chỉnh và hòa nhập với cuộc sống. Tránh gặp phải tình huống tâm lí căng thẳng.  *- Năng lực tự chủ và tự học:*Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng sống cơ bản đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết tình huống tâm lí căng thẳng trong cuộc sống.  *- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Phát hiện và giải quyết được những tình huống tâm lí căng thẳng trong cuộc sống.  **-** *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết xác định công việc, biết sử dụng ngôn ngữ, hợp tác theo nhóm thảo luận về nội dung bài học,biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp với các bạn.  **3.Phẩm chất**  *- Trách nhiệm*: Biết bảo vệ bản thân. Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động ứng phó với tâm lí căng thẳng. |
| 10 | Bài 8. Bạo lực học đường | 2 | **1. Về kiến thức:**  Nêu được các biểu hiện của bạo lực học đường; nguyên nhân và tác hại của bạo lực học đường.  - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường.  - Biết cách ứng phó trước, trong và sau khi bị bạo lực học đường.  - Tham gia các hoạt động tuyên truyền phòng, chống bạo lực học đường do nhà trường, địa phương tổ chức.  - Phê phán, đấu tranh với những hành vi bạo lực học đường; sống tự chủ, không để bị lôi kéo tham gia bạo lực học đường.  **2. Về năng lực:**  **Học sinh được phát triển các năng lực:**  *- Năng lực điều chỉnh hành vi:* Nhận biết được những tình huống gây bạo lực để điều chỉnh hành vi.  *- Năng lực phát triển bản thân:* Trang bị cho bản thân những kỹ năng sống cơ bản để thích ứng, điều chỉnh và hòa nhập với cuộc sống. Tránh gặp phải tình huống bạo lực căng thẳng.  *- Hợp tác, giải quyết vần đề:* Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng sống cơ bản đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết tình huống tâm lí căng thẳng trong cuộc sống.  *- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:*Phát hiện và giải quyết được những tình huống bạo lực trong cuộc sống.  **-** *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết xác định công việc, biết sử dụng ngôn ngữ, hợp tác theo nhóm thảo luận về nội dung bài học,biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp với các bạn.  **3. Về phẩm chất:**  *- Trách nhiệm:* Biết bảo vệ bản thân. Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động ứng phó với tâm lí căng thẳng bạo lực.  *- Nhân ái: lòng yêu thương bạn bè và mọi người* |
| 11 | Bài 9. Ứng phó với bạo lực học đường | 2 | **1. Về kiến thức:**  - Nêu một số quy định cơ bản của pháp luật liên quan đến phòng chống bạo lực học đường.  - Biết cách ứng phó trước,trong và sau khi bạo lực học học đường.  - Tham gia các hoạt động tuyên truyền phòng, chống bạo lực học đường do nhà trường ,địa phương tổ chức.  - Phê phán, đấu tranh với những hành vi bạo lực học đường ; sống tự chủ, không bị lôi kéo tham gia bạo lưc học đường.  **2. Về năng lực:**  **Học sinh được phát triển các năng lực:**  *-Tự chủ và tự học:* Tự giác học tập, lao động, thực hiện được cách ứng phó với bạo lực học đường.  - *Điều chỉnh hành vi:* Nhận biết được những chuẩn mực đạo đức, những giá trị truyền thống của tình yêu thương con người. Có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lý, điều chỉnh bản thân và thích ứng với những thay đối trong cuộc sổng nhằm phát huy giá trị to lớn của tình yêu thương con người.  - *Phát triển bản thân:* Tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm phát huy những theo chuẩn mực đạo đức cùa xã hội. Xác định được lí tường sổng của bản thân lập kế hoạch học tập và rèn luyện, xác định được hướng phát triển phù hợp của bản thân đế phù hợp với các giá trị đạo đức về con người.  *- Tư duy phê phán:* Đánh giá, phê phán được những hành vi chưa chuẩn mực, vi phạm đạo đức, chà đạp lên các giá trị nhân văn của con người với con người.  *- Hợp tác, giải quyết vần đề:* Hợp tác với các bạn trong lớp trong các hoạt động học tập; cùng bạn bè tham gia các hoạt động cộng đồng nhằm góp phần lan tỏa giá trị của tình yêu thương con người,tránh hành vi bạo lực học đường.  **3. Về phẩm chất:**  ***-*** *Yêu nước****:*** Tự hào về truyền thống nhân ái, đoàn kết tương trợ, tinh thần tương thân, tương ái của dân tộc.  *- Nhân ái:* Luôn cổ gắng vươn lên đạt kết quà tốt trong học tập; tích cực chủ động tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng để góp phần vun đắp giá trị của tình yêu thương con người.  *- Trách nhiệm:* Có ý thức và tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng để phát huy truyền thống yêu thương con người. Đấu tranh bảo vệ những truyền thống tốt đẹp; phê phán, lên án những quan niệm sai lầm, lệch lạc trong mối quan hệ giữa con người với con người, hành vi bạo lực học đường. |
| 12 | Bài 10. Tệ nạn xã hội | 3 | **1.Về kiến thức:**  **-** Nêu được khái niệm tệ nạn xã hội và các loại tệ nạn xã hội phổ biến.  - Giải thích được nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội đối với bản than.  - Phê phán các tệ nạn xã hội và tránh xa nó.  **2.Về năng lực:**  -Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận ra được những biểu hiện của tệ nạn xã hội, nêu được một số tệ nạn xã hội phổ biến; biết phòng ngừa cho bản thân.  - Năng lực phát triển bản thân: Thực hiện được những việc làm để tránh xa các tệ nạn xã hội.  **-** *Năng lực giao tiếp và hợp tác:*Biếtxác định công việc, biết sử dụng ngôn ngữ, hợp tác theo nhóm thảo luận về nội dung bài học,biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp với các bạn.  **3.Về phẩm chất:**  *- Yêu nước:*Có ý thức tìm hiểu các tệ nạn xã hội, bài trừ nó; tích cực học tập, rèn luyện để xây dựng xã hội giàu đẹp , văn minh. |
| 13 | Kiểm tra giữa học kỳ II | 1 | **1. Về kiến thức**  - Học sinh củng cố những kiến thức cơ bản đã được học  - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.  - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.  **2. Về năng lực**  Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nẩy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi  Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập  **3. Về phẩm chất:**  Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp  Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra |
| 14 | Bài 11. Thực hiện phòng chống tệ nạn xã hội | 3 | **1. Về kiến thức:**  **-** Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội.  - Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về pòng chống tệ nạn xã hội.  - Tham gia các hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội do nhà trường, địa phương tổ chức.  - Phê phán, đấu tranh với các tệ nạn xã hội; tuyên truyền vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội.  **2. Về năng lực:**  Học sinh được phát triển các năng lực:  ***-****Tự chủ và tự học:* Tự giác học tập, lao động để phòng chống tệ nạn xã hội.  *-Điều chỉnh hành vi:* Có những việc làm cụ thể , phù hợp để phòng chống tệ nạn xã hội.  *-Phát triển bản thân:* Kiên trì mục tiêu,thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện đạo đức phòng chống tệ nạn xã hội.  *-Tư duy phản biện:* Đánh giá phê phán được những hành vi chưa phòng chống tệ nạn xã hội.  **3.Về phẩm chất:**  *-Chăm chỉ*: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống , hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.  *-Yêu nước***:** Luôn có ý thức phòng chống tệ nạn xã hội.  *-Trách nhiệm* : Hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước phòng chống tệ nạn xã hội. |
| 15 | Bài 12. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình | 3 | **1. Về kiến thức :**  Hs hiểu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mọi thành viên trong gia đình , hiểu ý nghĩa của những quy định đó .  **2 .Về Năng lực:**  NL tư duy, NL hợp tác, NL giao tiếp, NL ngôn ngữ, NL giải quyết vấn đề,  **-** Hs biết cáchứng xử phù hợp với các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của bản thân trong đình .  - Hs Biết đánh giá hành vi của bản thân và của người khác theo quy định của pháp luật .  **3. Về phẩm chất** :  -Hs có thái độ trân trọng gia đình và tình cảm gia đình , có ý thức xây dựng gia đình hạnh phúc -Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ông bà, cha mẹ, anh chị em . |
| 16 | Kiểm tra cuối học kỳ II | 1 | **1. Về kiến thức**  - Học sinh củng cố những kiến thức cơ bản đã được học  - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.  - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.  **2. Về năng lực**  Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nẩy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi  Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập  **3. Về phẩm chất:**  Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp  Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra |

**c. Phân phối môn GDCD 8**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **KÌ I** | | | |
| ***1*** | Bài 1. Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam | **2** | * Nêu được một số truyền thống của dân tộc Việt Nam. * Nhận biết được giá trị của các truyền thống của dân tộc Việt Nam. * Kể được một số biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam. * Đánh giá được hành vi, việc làm của bản thân và những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam. * Thực hiện được những việc làm cụ thể để giữ gìn, phát huy truyền thống của dân tộc. |
| ***2*** | Bài 2. Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc | **2** | * Nêu được một số biểu hiện của sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới. * Hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới. * Thể hiện được bằng lời nói và việc làm thái độ tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới. * Phê phán những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc và văn hoá. |
| ***3*** | Bài 3. Lao động cần cù, sáng tạo | **2** | * Nêu được khái niệm cần cù, sáng tạo trong lao động và một số biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động. * Giải thích được ý nghĩa của cần cù, sáng tạo trong lao động. * Thể hiện được sự cần cù, sáng tạo trong lao động của bản thân. * Trân trọng những thành quả lao động; quý trọng và học hỏi những tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động; phê phán những biểu hiện chây lười, thụ động trong lao động |
| **4** | **Kiểm tra giữa kỳ I** | **1** | * Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học * Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. * Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh trong học kì. |
| ***5*** | Bài 4. Bảo vệ lẽ phải | **2** | * Giải thích được một cách đơn giản về sự cần thiết phải bảo vệ lẽ phải. * Thực hiện được việc bảo vệ lẽ phải bằng lời nói và hành động cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. * Khích lệ, động viên bạn bè có thái độ, hành vi bảo vệ lẽ phải; phê phán những thái độ, hành vi không bảo vệ lẽ phải. |
| ***6*** | Bài 5. Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên | **4** | * Giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. * Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; một số biện pháp cần thiết để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. * Nêu được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. * Thực hiện được việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi. * Phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ô nhiễm môi trường và phá hoại tài nguyên thiên nhiên. |
| ***7*** | **Ôn tập** | **1** | * Củng cố nắm chắc được cơ bản các kiến thức đã học trong học kì 2 |
| **8** | **Kiểm tra cuối kì I** | **1** | * Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học. * Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. * Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. |
| **9** | Bài 6. Phòng, chống bạo lực gia đình | **3** | * Kể được các hình thức bạo lực gia đình phổ biến. * Phân tích được tác hại của hành vi bạo lực gia đình đối với cá nhân, gia đình và xã hội. * Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình. * Biết cách phòng, chống bạo lực gia đình. * Phê phán các hành vi bạo lực gia đình trong gia đình và cộng đồng. |
| **KÌ II** | | | |
| ***10*** | Bài 7. Xác định mục tiêu cá nhân | **3** | * Nhận biết được thế nào là mục tiêu cá nhân; các loại mục tiêu cá nhân. * Hiểu vì sao phải xác định mục tiêu cá nhân. * Nêu được cách xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân. * Xây dựng được mục tiêu cá nhân của bản thân và kế hoạch hành động nhằm đạt mục tiêu đó. |
| ***11*** | Bài 8. Lập kế hoạch chi tiêu | **3** | * Nhận biết được sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu. * Nêu được cách lập kế hoạch chi tiêu. * Lập được kế hoạch chi tiêu và tạo thói quen chi tiêu hợp lí. * Giúp đỡ bạn bè, người thân lập kế hoạch chi tiêu hợp lí. |
| **12** | **Kiểm tra giữa kỳ II** | **1** | * Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học. * Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. * Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. |
| ***13*** | Bài 9. Phòng ngừa tại nạn vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại | **4** | * Kể được tên một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại; nhận diện được một số nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại. * Trình bày được hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại. * Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. * Nhận biết được trách nhiệm của công dân trong việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại * Thực hiện được việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. * Nhắc nhở, tuyên truyền người thân, bạn bè chủ động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. |
| ***14*** | Bài 10. Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân | **2** | * Phân tích được tầm quan trọng của lao động đối với đời sống con người. * Nêu được một số quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân và lao động chưa thành niên. * Nêu được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động; lập được hợp đồng lao động có nội dung đơn giản giữa người sử dụng lao động và người lao động. * Tích cực, chủ động tham gia lao động ở gia đình, trường, lớp và cộng đồng phù hợp lứa tuổi. |
| **16** | **Ôn tập** | **1** | * Củng cố nắm chắc được cơ bản các kiến thức đã học trong học kì 2 |
| **17** | **Kiểm tra cuối kì II** | **1** | * Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học. * Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. * Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. |
| **18** | Bài 10. Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân (tiếp theo) | **2** | * Phân tích được tầm quan trọng của lao động đối với đời sống con người. * Nêu được một số quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân và lao động chưa thành niên. * Nêu được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động; lập được hợp đồng lao động có nội dung đơn giản giữa người sử dụng lao động và người lao động. * Tích cực, chủ động tham gia lao động ở gia đình, trường, lớp và cộng đồng phù hợp lứa tuổi. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)*    **Nguyễn Thị Nhàn** |  |  | *Thuận Hạnh, ngày 28 tháng 08 năm2023 202*  **P.HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

1. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-1)
2. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-2)